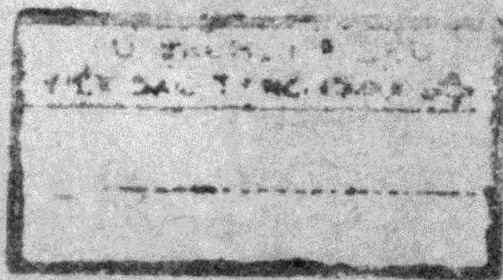


KỶ VẬT ĐIỆN BIÊN



John

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
Hà Nội — 1984

Bìa : Trần Ngọc Quý

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ngày 7 tháng 5 năm 1984, nhân dân ta cùng với nhân loại tiến bộ toàn thế giới kỷ niệm trọng thể lần thứ 30 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, niềm tự hào của dân tộc Việt Nam và của các dân tộc bị áp bức.

Gần một phần ba thế kỷ đã qua từ khi các chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam cầm lá cờ Quyết chiến quyết thắng của Hồ Chủ tịch lên nóc hầm của bại tướng Đờ Cát, đánh dấu một cái mốc của sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân. Năm tháng không hề mấy may làm phai mờ ý nghĩa vĩ đại của chiến công Điện Biên Phủ anh hùng. Dưới ánh sáng của thời gian, Điện Biên Phủ càng nổi lên trong lòng nhân dân ta và nhân dân thế giới như một tấm gương chói ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng, như một điển hình thành công của đường lối chiến tranh nhân dân và của nghệ thuật quân sự Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh và chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến.

Cũng như trong suốt cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước từ ngàn xưa cho đến ngày nay, trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, tuổi trẻ Việt Nam đã làm nên những sự tích anh hùng, mãi mãi ghi sâu trong lòng nhân dân và đời đời lưu lại cùng với những di tích lịch sử được trân trọng giữ gìn từ thế hệ này sang thế hệ khác. Công tác bảo tồn đang tồn tại và bảo quản những di tích đó ngay tại chiến trường xưa. Viện bảo tàng Quân đội nhân dân Việt Nam ở Hà Nội đang lưu giữ những hiện vật quý hiếm vô giá. Mỗi một di tích, hiện vật đều gắn liền với một hoặc nhiều sự tích anh hùng ấy.

Để kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ và góp phần giáo dục truyền thống về vang của dân tộc ta, của quân đội ta, chúng tôi xuất bản tập « Kỳ vật Điện Biên ». Từ những hiện vật tại Viện bảo tàng Quân đội và những di

tích tại Điện Biên Phủ, cuốn sách sẽ đi sâu giới thiệu với bạn đọc nói chung và bạn đọc thanh niên nói riêng sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, tài tình của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, sự chỉ huy dũng cảm, kiên quyết, đúng đắn, sáng tạo của Bộ chỉ huy chiến dịch, tinh thần chiến đấu anh dũng tuyệt vời của các chiến sĩ Điện Biên Phủ, sự hy sinh không bờ bến của nhân dân phục vụ tiền tuyến và sự thất bại ê chề của quân đội viễn chinh Pháp trong mùa xuân năm 1954 không thể nào quên.

Mong rằng cuốn sách sẽ giúp bạn đọc ôn lại những trang lịch sử anh hùng của Điện Biên Phủ năm xưa, và các bạn thanh niên có thể tìm thấy ở đây nguồn sức mạnh tinh thần tiếp sức cho mình trong cuộc hành quân tiếp bước những người anh hùng, hăng hái cống hiến tuổi xuân cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn Viện bảo tàng Quân đội đã giúp đỡ và cộng tác nhiệt tình trong việc biên tập cuốn sách.

MỞ ĐẦU THUYẾT MINH

30 năm đã qua, kể từ ngày 7 tháng 5 năm 1954, ba tiếng Điện Biên Phủ vẫn còn rung động trái tim nhân loại yêu chuộng tự do công lý như một biểu tượng cho tinh thần dũng cảm tuyệt vời, ý chí quật cường của một dân tộc bị áp bức đã vùng lên đánh thắng một đế quốc lớn, mở đầu cho sự sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ.

Nó đã và đang được nhắc đến qua một tổ từ lấp lánh Việt Nam — Hồ Chí Minh — Điện Biên Phủ, trong những tập sách nghiên cứu dày cộm muốn trình bày lý giải trên nhiều bình diện một sự kiện lịch sử có tầm cỡ thế giới, cũng như trong các tác phẩm văn học nghệ thuật ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng dân tộc Việt Nam, người chiến sĩ Việt Nam.

Điện Biên Phủ còn trở thành một từ mới của nước thua trận (Dienbienfasor) với cái nghĩa là một hành động quyết định một cú nốc-ao! ⁽¹⁾.

Và dĩ nhiên, đối với dân tộc chúng ta, những người làm nên chiến thắng lịch sử vẻ vang đó, Điện Biên Phủ mãi mãi là một giá trị tinh thần cao quý ngàn đời.

*« Chín năm làm một Điện Biên
Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng ».*

TỔ HỮU-

(1) Tiếng Anh có nghĩa là một cú đấm chết ngất.

Thiên sử vàng Điện Biên Phủ sống mãi không chỉ ở trên những trang sách khoa học, trong những tác phẩm nghệ thuật, trên lá cờ quyết chiến quyết thắng, trong dòng máu truyền thống anh hùng... mà nó còn được trình bày một cách rất cụ thể, sống động, truyền cảm thông qua những hiện vật di tích lịch sử trong các Viện bảo tàng nhà nước, quân đội, nhà truyền thống của những đơn vị từng tham chiến. Đây chính là kho báu vô giá mà thời gian càng trôi qua lại càng tăng thêm vẻ lung linh. Đây cũng chính là những bằng chứng khoa học không thể chối cãi, góp phần đập tan mọi mưu đồ xóa nhòa, xuyên tạc lịch sử của những bọn ngoan cố.

Chính vì lẽ đó, nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, nhà xuất bản Thanh niên chủ trương giới thiệu với bạn đọc nhất là bạn đọc trẻ, một số hiện vật di tích lịch sử trưng bày tại Viện bảo tàng Quân đội, nhà bảo tàng Điện Biên Phủ, do các bộ bảo tàng, và chiến sĩ Điện Biên thuyết minh.

Có hiện vật khá đồ sộ, thoáng nhìn là thấy như các cỗ pháo 155mm, 105mm. Nhưng có đi sâu tìm hiểu, chúng ta mới ghi nhận được những chi tiết lịch sử sâu sắc thú vị. Lại có những hiện vật thoạt trông rất bình thường, dễ hòa tan trong bao hiện vật khác hấp dẫn hơn. Như chiếc xe máy đã mòn vẹt kia. Song chính nó lại chứa đựng một tinh thần, một chiến thuật, hơn thế, một tư tưởng, một nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Đối với khẩu tiểu liên này, người ta có thể nghĩ ngay đến những tiếng nổ giòn giã, với hàng loạt xác thù ngã gục thì trái lại, giá trị của nó lại chính ở chỗ người sử dụng nó đã không cần nổ một phát đạn mà vẫn lập được một chiến công to. Trong lúc đó, chính cái máy điện thanh không một ngòi nổ kia mới là vũ khí đã gây nên những trận bão lửa xuống đầu quân thù.

Ờ đây, một quyển sổ nhỏ, một chiếc mũ lá đơn sơ của hai người anh hùng cũng như một bức sơ đồ, một tờ giấy mỏng của hai viên bại tướng, tất cả đều có thể nói với chúng ta một điều gì có ý nghĩa lớn.

Nhưng hãy để cho các hiện vật lịch sử tự nó nói lên những điều cần nói. Và mong chúng ta có dịp được trực tiếp gặp gỡ những hiện vật đó cùng nhiều hiện vật khác để cảm nhận, hiểu biết nhiều hơn, với niềm tự hào chung của dân tộc, với niềm biết ơn sâu sắc thế hệ cha anh đã làm nên một Điện Biên Phủ.



Hai khẩu súng trình sát và anh hùng Dương Quảng Châu

MỘT CHIẾN CÔNG THẦM LẶNG

Trong chiến tranh, đã là người lính cầm súng ai mà chả mong hạ được nhiều giặc bằng những viên đạn chính xác. Ấy thế mà có những người lính mặc dù biết sử dụng rất thành thạo cả vũ khí của ta lẫn của địch, nhưng họ chiến đấu bằng cách ít nổ súng, thậm chí không phải nổ súng mà hoàn thành nhiệm vụ mới được coi là chiến công. Hai khẩu súng trên đây dễ bị hòa tan trong trăm ngàn kỷ vật hấp dẫn ở Viện bảo tàng Quân đội, nhưng trong tay người anh hùng trinh sát Dương Quảng Châu, đã chứng kiến một chiến công thầm lặng mà cho đến nay ít người được biết đến.

Chuyện gì đã xảy ra cách đây 30 năm, khi anh lính trinh sát Dương Quảng Châu sử dụng hai khẩu súng này cùng đồng đội của anh lặng lẽ luồn rừng tiến vào sát cứ điểm Điện Biên Phủ? Hôm nay, đứng trước những kỷ vật này, anh hùng Dương Quảng Châu và bạn chiến đấu của anh thuyết minh lại và đưa chúng ta vào cuộc chiến đấu sống cật lực ngày ấy.

Đó là vào một ngày chuẩn bị tiến công Điện Biên Phủ. Khi bộ binh, pháo binh ráo riết xây dựng trận địa thì đội trinh sát được tung vào điều tra, tìm hiểu, nắm tình hình địch.

Đã rồi là đi trinh sát thì không bao giờ hoặc cùng bất đắc dĩ mới đi trên những con đường, một vài đoạn ngắn

đường có sẵn. Phân đội trình sát luồn rừng, vạch lá,, vượt qua những cái dốc chỉ dành cho khỉ vượn, len lỏi trong các khe vực để tiếp cận đồn, bất địch.

Sau bốn năm ngày đêm luồn lủi, lặn lội cộng với những ngày hành quân vất vả trước, nhiều đồng chí gầy sút trông thấy và hai chiến sĩ trình sát là Dương Quảng Châu và Nguyên «cò» nổi cơn sốt rét. Kiểm được đoạn khe cạn, hai người ở lại nghỉ, trông coi ba lô, đồ đạc, tài liệu,, còn phân đội tiếp tục đi làm nhiệm vụ.

Qua một đêm thuốc men, nghỉ ngơi hai người đã lại sức. Họ ngồi dựa lưng vào đồng ba-lô vừa lau súng vừa cảnh giới.

Khoảng gần trưa, hai người chợt nghe có tiếng lạo lạo ngoài cửa khe, vừa chăm chú theo dõi, họ vừa phán đoán, sao giờ này anh em đã về là thế nào.

Châu ra hiệu cho bạn chuẩn bị, còn mình trườn nhanh đến một gốc cây. Lúc đó cả hai đều nhìn rõ một loạt «Mũ nồi» và «Mũ cao bồi» đang lố nhố ở ngoài.

Nguyên «cò» ra hiệu «bắn chứ»! — Châu lắc đầu «Kẻ ra nếu không có đồng ba lô, và nhất là số tài liệu vừa thu thập được mấy ngày qua, mỗi người lia một băng K500 rồi luồn nhanh vào rừng là thoát — nhưng còn... — trong óc Châu lóe lên một mưu kế.

Bọn lính ngự đang lao rào quây quần quanh cửa khe, tên chỉ huy đang nghiêng ngó thì bỗng nghe tiếng quát:

— Đứng im, giơ tay lên!

Lúc đó chúng thấy một người lăm lăm giơ tiểu liên, người đó lại hô tiếp:

— Đại đội bao vây chặt, bọn kia hạ súng xuống!

Hơn hai chục tên lúc đầu đứng im như tượng nhiều đứa mặt cắt không còn hạt máu, sau đó bọn chúng ngoan ngoãn đặt súng xuống đất.

Châu lại hô:

— Trung đội một, cử một người ra thu vũ khí.

Hiền « phép thuật » của bạn, Nguyên « cò » chạy ra :

— Báo cáo, tuân lệnh !

Nguyên « cò » mau lẹ thu gọn súng đạn, bỏ thành từng bó đen cất vào hốc trong lòng khe.

Châu liền ra lệnh cho Nguyên cầm súng gác, còn mình trèo phất lên ngọn cây, rút mùi xoa đánh tín hiệu, làm mờ ra hiệu lệnh cho đại đội. Sau đó, Châu với phong thái như một vị chỉ huy ung dung bước lại phía bọn lính ngục, cho phép chúng ngồi xuống. Hai người thay nhau giải thích chính sách khoan hồng của chính phủ cho bọn tù bìm nghe. Bọn ngục ngồi im như thóc, sợ sệt, cung kính.

Trờ tối dần, Châu lệnh cho mấy tên lính đi kiểm củi về đổ thành bốn đống lửa hồng rồi cho chúng ôm nhau nằm ngủ ở giữa.

Lúc này, Nguyên lại nổi cơn sốt rét. Châu bảo bạn cứ nằm nghỉ. Còn mình cầm ngang khẩu súng tiểu liên đi đi lại lại về sốt ruột.

Phân đội trở lại khe lúc bọn ngục đốt lửa, ôm nhau ngủ. Vì là đơn vị trinh sát, khi thấy quang cảnh đáng ngạc nhiên đó, toàn phân đội dừng lại phán đoán :

Có ý kiến cho là : hai người bị giặc chộp sống, rồi bày trò để lừa toàn phân đội. Có ý kiến cho hay là hai đồng chí đi đã bắt sống được bọn địch.

Trước tình hình như vậy, các đảng viên họp lại tìm cách xử trí. Sau một hồi trao đổi, xem xét mọi mặt, không tìm thấy một dấu hiệu nào ngờ vực ở Châu và Nguyên, nhất là Châu — sinh ra trong một gia đình nghèo khổ, phiêu bạt nhiều nơi kiếm sống — Từ cuộc sống đó đã tạo cho Châu tính lạnh lợi gan góc, bướng bỉnh, khôn ngoan ứng biến. Xung phong vào bộ đội năm 17 tuổi, làm trinh sát, qua năm năm những đặc thù trên được thể

hiện trong nhiều thử thách, mới đây trong trận Thái Đào dưới Trung du, Châu cũng lập công xuất sắc, được huân chương chiến công hạng hai.

Mọi người đang còn những phân vân thì Thụy — một tay trinh sát đã từng vào sống ra chết với Châu, nói quả quyết:

— Tôi biết, nó gan lắm, lại khôn khéo nữa, theo tôi có thể hai cậu đã mưu kế tóm sống bọn này.

Cuộc họp ồn ào lên, nhiều người tỏ vẻ tán thành. Song... vẫn chỉ là dự đoán. Đắn đo hồi lâu, hội nghị cử Thụy cùng hai người nữa xuống dò xét, còn mọi người sẵn sàng, nếu xảy tình huống xấu, lập tức nổ súng chụp luôn.

Câu chuyện đúng như phán đoán của Thụy. Sau những phút đắn đo, Thụy bám sát chân Châu rồi khẽ quát::

— Châu, mày hàng giặc?

Châu quay lại, ném vội súng xuống, kêu lên.

— Tôi, tôi là đảng viên, không đời nào tôi phản bội!

Thế là hai người ôm lấy nhau. Vừa kịp lúc cả phalanx đội ào xuống khe trước con mắt vừa choàng tỉnh, ngỡ ngàng của bọn lính ngục.

Sáng hôm sau, Châu và ba chiến sĩ được cử đưa 21 tên tù binh về chỉ huy sở. Trên đường về họ lại chạm trán với 11 tên ngục đang từ cánh đồng tiến vào rừng sâu. Châu bảo mọi người tạt về phía sau còn mình cùng một chiến sĩ nữa bí mật tiếp cận và bất ngờ Châu nhả tên cai xếp xông đến dùng báng súng quát ngã ngất. (Cả bọn sợ quá, vứt súng xuống đất nhất loạt giơ tay. Thế là đoàn tù binh từ 21 lên 32 tên.

Tới gần khe Hồng Lếch, bộ phận giải tù binh gặp tư lệnh trưởng đại đoàn Vương Thừa Vũ cùng một số cán bộ đi nghiên cứu trận địa. Nghe qua báo cáo, tư lệnh cười hề hả vỗ vai Châu:

« Klá lăm — thằng bé giỏi đấy — rồi đồng chí ra lệnh dẫn ngay tù binh về đại đoàn, không phải qua trung đoàn nữa »...

Đấy chiến công của Dương Quảng Châu không hề mất một viên đạn. Kể ra anh cũng dùng súng nhưng mà cũng chỉ mới dùng đến cái báng súng, với trí thông minh và sức mạnh của tuổi thanh xuân mà làm nên chuyện.

Cũng có người bảo — Bọn trinh sát chỉ gan và nhanh thôi em bản chác thì ra quái gì!...

Vậy cũng phải kể tiếp mẩu chuyện thứ hai về Dương Quảng Châu và về tài nghệ dùng súng của anh.

Cuối [tháng 1-1954 — Mọi công việc chuẩn bị cho cuộc tiến công vào Điện Biên Phủ hầu như chu tất. Từ pháo cối đến xung kích đều đã bố trí đầy đủ, chỉ còn chờ lệnh nổ súng.

Chiều đến, đầu óc ai nấy đều chú ý vào những mục tiêu, vào những phát đại bác mở màn.

Bỗng có lệnh đưa xuống, không phải là lệnh tiến đánh mà là lệnh rút. Rút nhanh ra ngoài, khẩn trương chuẩn bị hành quân.

Từ đánh đồn, chuyển sang đánh vận động, mọi người phải chuẩn bị lại súng đạn, lương khô, gạo rang... gọn nhẹ rồi lên đường tiến về phía biên giới Việt Lào.

Kẻ địch đánh hơi thấy ta chuyển hướng đánh. Khi nghe tin ta đưa cả pháo, đưa toàn những binh đoàn cự phách, bọn chúng hoảng hồn bỏ đồn mà chạy.

Quân ta nhanh chóng vượt sông Nậm U. Lính trinh sát bao giờ cũng là những người nhanh chân nhất. Vừa cập bờ, thấy vết giày đinh của địch, họ lao đuổi theo liền.

Vượt qua mấy cái dốc khá dài, chợt thấy trên đồi phía trước lộ nhố bóng người, anh em trinh sát cùng bộ binh do đại đội phó Giao chỉ huy lập tức nổ súng. Mặc dù chúng đông hơn lại ở trên cao. Kinh nghiệm cho hay, dù nó đông nhưng đang trong tâm trạng rút chạy, nếu ta xốc tới tự lực lượng ít hơn vẫn thắng.

Bọn địch lão nháo, song chúng cũng bố trí lưới hỏa lực bắn chặn. Đại đội phó Giao bị thương, Giao, vẫy Dương Quảng Châu (lúc này làm tiểu đội trưởng trình sát) :

— Thay mình chỉ huy, không đánh chính mặt được, phải vòng khuỷp, diệt một ổ súng máy rồi xung phong luôn.

Nhận lệnh, Châu dẫn anh em chuẩn bị sẵn sàng,, rồi cấp tiểu liên liền luồn vào đám cây lúp xúp tạt sang trái,, bất thần xông tới quật rất trúng một loạt 5 viên tiểu liên vào ổ súng máy địch. Vừa lúc anh em lao lên, dùng lựu đạn, tiểu liên đánh tới tấp. Bọn địch hoảng loạn, mạnh tên nào tên nấy chạy.

Sau mấy ngày đêm truy kích, quân ta đặt chân tới ngã ba sông. Mặt nước bao la, thuyền bè không một bóng, bờ bên kia thế nào, địch còn không?.. không rõ.

Không có thuyền thì làm máng, nhưng ai sẽ qua trước, đại đội trưởng suy nghĩ tính toán. Đội quân báo đứng quanh chờ lệnh. Bỗng đại đội trưởng ra lệnh : Châu và Thụy sang trước, bám lấy đầu cầu.

— Rõ!...

Chiếc bè chuối được đưa xuống nước.

— Rất tin hai cậu — Đại đội trưởng bắt tay hai người.

— Báo cáo, sông chết chúng tôi cũng chiếm được đầu cầu cho quân ta đổ bộ.

Gió thổi lồng lộng, chiếc bè xa dần, và trời cũng tối dần. Hơn một giờ sau, khi mọi người đang căng mắt quan sát, bụng dạ bồn chồn, chợt đại đội trưởng reo lên :

— Thắng, thắng lợi rồi!

Bờ bên kia hiện lên ánh lửa bập bùng. Đó là tín hiệu đầu cầu đã chiếm xong. Mọi việc diễn ra như ý muốn.

Cả đơn vị đã đến, thuyền bè các nơi được tập trung và hướng theo ánh lửa bơi sang.

Cú đánh bất thần của chúng ta làm tan vỡ cả phòng tuyến sông Nậm U của giặc dài hơn 200Km. Điện Biên Phủ giờ đây không còn con đường liên lạc nào nữa. Chúng chỉ còn trông cậy vào con đường độc nhất, hết sức tốn kém, đó là cầu hàng không giữa Hà Nội, với chúng ở Điện Biên.

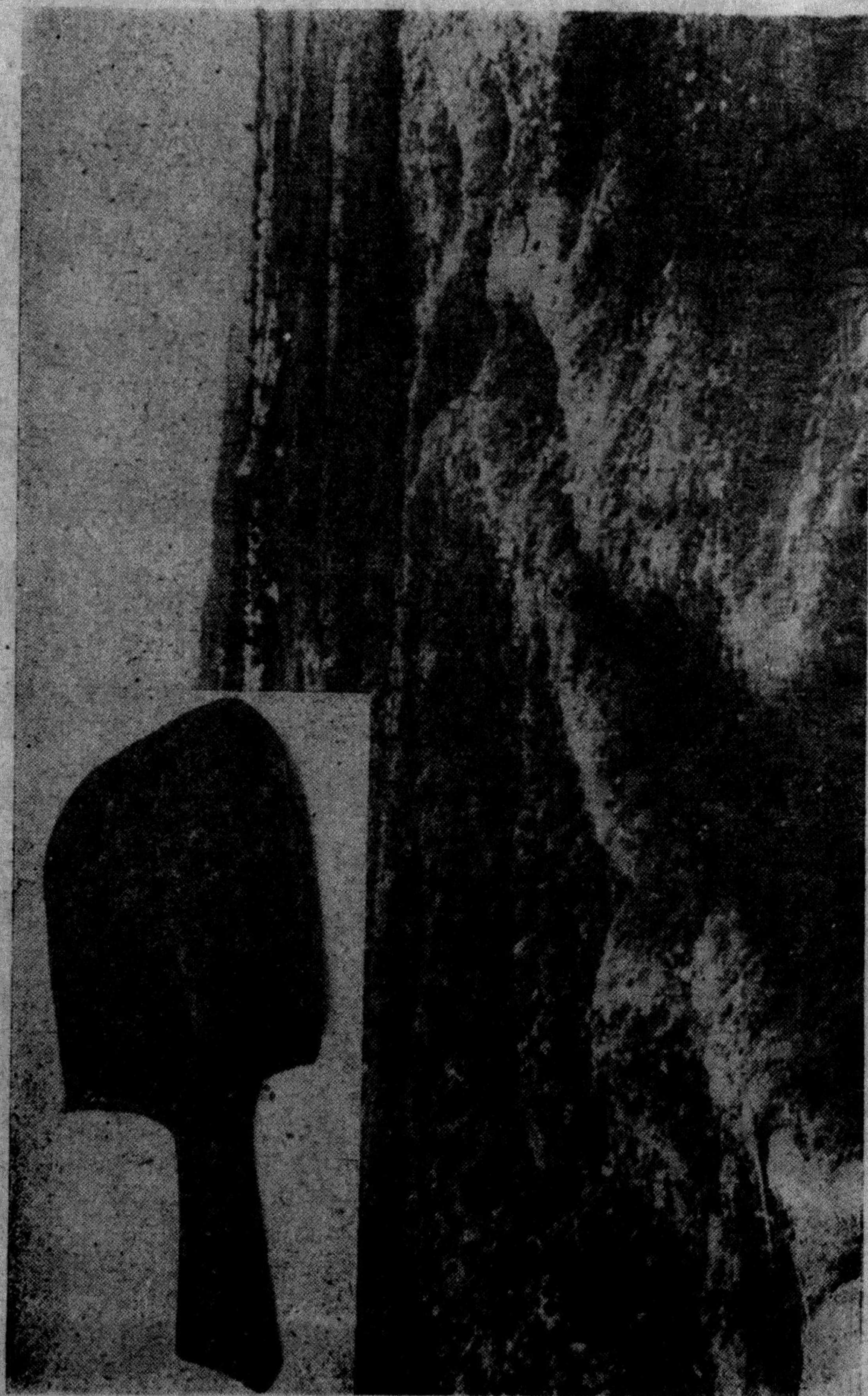
Và thế là quân ta chỉ còn lo tập trung vào giải quyết số phận cho cái tập đoàn cứ điểm.

Đến đây, chắc có bạn hỏi, vậy câu chuyện Dương Quảng Châu tiếp sau ra sao?

Xin thưa, với những chiến tích trên cộng với những kỳ công kế tiếp, sau chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, Dương Quảng Châu của chúng ta được tuyên dương anh hùng quân đội.

Khẩu tiêu liên, khẩu súng ngắn của người anh hùng triah sát bộ binh hiện nay được đặt tại một vị trí trang trọng trong nhà truyền thống chiến đấu của **ĐẠI ĐOÀN QUÂN TIỀN PHONG.**

PHẠM NGỌC THỤY



Chiếc xẻng và trận địa Chiến hào bao vây và tấn công

CHIẾC XẺNG CỦA CHIẾN HÀO TIẾN CÔNG

Nhìn vào hình ảnh trận địa giao thông hào tiến công đã bỏ tới đường bằng sân bay Mường Thanh, bạn sẽ bị hấp dẫn ngay bởi toàn cảnh mạng nhện trận địa đường chiến hào xét dân vào cổ họng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Vậy mà bên đó có trưng bày một kỷ vật trông rất bình thường, ít ai chú ý đến, như chiếc xẻng đã mòn vẹt kia. Song chính nó lại chứa đựng một tinh thần, hơn thế, một tư tưởng sáng tạo nổi tiếng của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Chiếc xẻng đó, kỷ vật tiêu biểu cho ngàn vạn chiếc xẻng khác, trong tay các chiến sĩ Điện Biên đã làm đảo lộn mọi quan niệm thông thường và sức tưởng tượng phong phú nhất. Những chiếc xẻng trong tay chiến sĩ Điện Biên đã biến lương hào xưa nay vốn là trận địa phòng ngự chuyển sang thành trận địa tiến công bao vây tiêu diệt pháo đài Điện Biên Phủ.

Mọi người đều biết, trong trận Điện Biên Phủ mùa xuân 1954, lúc đầu do địch còn yếu và sơ hở, ta đã chủ trương dùng phương châm «đánh nhanh, giải quyết nhanh» để tiêu diệt tập đoàn cứ điểm trong thời gian từ 2 đến 3 ngày đêm. Song về sau, tình hình đã thay đổi, địch tăng cường rất lớn cho Điện Biên Phủ về binh lực và hỏa lực, «chấp nhận cuộc chiến đấu» hòng giăng lưới, giăng một cái bẫy để tiêu diệt chủ lực ta, chúng đóng thêm nhiều cứ điểm. Có cứ điểm trước chỉ có một đại đội đóng giữ đã trở

thành một cứ điểm tiêu đoàn. Ở phía Nam Hồng Cẩm lúc đầu là một cứ điểm sau đã trở thành một tập đoàn cứ điểm nhỏ, có sân bay và pháo binh riêng. Do đó, nhất thiết phải thay đổi cách đánh cho thích hợp.

Căn cứ vào chỉ thị của Trung ương Đảng và Hồ Chủ Tịch là phải đánh chắc thắng, Bộ chỉ huy mặt trận ra lệnh đình chỉ cuộc tiến công dự định vào chiều 25-1-1954, rút bộ đội và dân công, kéo pháo ra, chuyển phương châm «đánh nhanh, giải quyết nhanh» sang phương châm «đánh chắc, tiến chắc» và tiến hành khẩn trương một loạt công tác chuẩn bị để thực hiện phương châm mới. Đó là một quyết định rất chính xác với một quyết tâm rất lớn. Trong số những công việc to lớn phải chuẩn bị, ngoài việc bố trí lại đội hình chiến dịch, mở đường, cơ động cho pháo, tăng cường công tác hậu cần... Có một việc rất quan trọng có ý nghĩa rất lớn về chiến thuật: đó là việc cấu trúc trận địa tấn công và bao vây.

Trong khi lăm lăm súng đạn trong tay sẵn sàng xông vào đồn giặc, thì lại nhận lệnh hoãn tấn công, xếp súng lại để cầm xẻng ra đào đất! Không ai là không có thắc mắc! Nhưng với một tinh thần kỷ luật rất cao mọi người đều nghiêm chỉnh và triệt để chấp hành. Thế là một hệ thống giao thông hào bắt đầu hình thành từ ngoài vào trong, xuyên qua những dãy đồi chung quanh lòng chảo Điện Biên, đổ xuống cánh đồng Mường Thanh phẳng lì còn trơ gốc dạ, bủa vây các cứ điểm ngoại vi của giặc, chuẩn bị cho những trận đầu thắng lợi giòn giã, tiêu diệt Him Lam, Độc Lập và bức địch ở Bản Kéo ra hàng.

Địch kinh hoàng, ra sức đối phó. Việc đào công sự đã khẩn trương, căng thẳng suốt ngày đêm, lại phải tiến hành dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù. Mồ hôi, xương máu đã đổ xuống để đổi lấy từng tấc đất. Chiến sĩ ta bất

đầu thăm mệt. Trước tình hình đó ngày 20-3-1954, đồng chí đại tướng Võ Nguyên Giáp, chỉ huy trưởng mặt trận đã kêu gọi bằng những lời tâm huyết:

«Hôn nay, th tôi muốn nói với các đồng chí về mấy vấn đề tư tưởng và nguyên tắc chiến thuật. Nói đơn giản, các đồng chí có nghe thì sẽ hiểu được, không có gì khó.

Hiện nay, ta đã thắng to, địch đã thất bại nặng, nhưng địch vẫn còn mạnh, ưu thế binh lực hỏa lực của ta đã tăng thêm, nhưng chưa phải là ưu thế tuyệt đối. Vì vậy phải đánh chắc tiến chắc». Sau khi phân tích chỗ mạnh của địch lúc này là số lượng của chúng còn đông, chúng còn thả dù và tiếp tế, tiếp viện được cho tập đoàn cứ điểm, đồng chí tiếp: «Trong tình hình đó, các đồng chí có muốn khắc phục ba chỗ mạnh trên đây của địch hay không?... «Hoàn thành trận địa tấn công và bao vây rồi, đạt được một phần lớn mục đích làm cho địch mất dần ba chỗ mạnh nói trên», «Tôi được báo cáo là các đồng chí đã làm trận địa mấy ngày liền, lại phải chiến đấu, rồi lại phải liên tục bắt tay vào làm nhiệm vụ đào trận địa, như thế có đồng chí mệt nhọc. Nhưng ta mệt nhọc thì cần nhớ rằng quân địch ở trong Điện Biên Phủ còn mệt nhọc và căng thẳng hơn ta...», «như vậy, chúng ta có nên nghỉ ngơi cho kẻ địch có thì giờ mà nghỉ ngơi chỉnh頓, có thì giờ mà tăng viện, mà thả dù tiếp tế, mà phát huy hiệu lực pháo binh và không quân của chúng, hay chúng ta là chiến sĩ quân đội nhân dân, là đảng viên của Đảng lao động Việt Nam, lúc này phải nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, chịu nổi mệt hơn một phần để gây thêm mười phần mệt mỏi và khó khăn cho địch?» Và đồng chí khẳng định: «... Nhiệm vụ xây dựng trận địa là một nhiệm vụ chiến lược, vinh quang không kém các cuộc chiến đấu xang phong giết giặc».

Tư tưởng đã thông, tinh thần càng phấn chấn, hàng vạn cánh tay thêm rắn chắc đầy lùi đất đá, đẩy lùi tất cả các cuộc phản kích của kẻ thù.

« Đúng rồi, muốn đánh thì đào

Muốn thất cổ địch phải có nhiều hào vây quanh

Chiến hào cùng với chiến binh

Họ «chiến» chúng mình quyết chiến lập công»

(Ca dao ĐBP)

Và một trận địa tiến công và bao vây được xây dựng ngày càng hoàn chỉnh. Bao gồm, giao thông hào trục rộng gần 2m, sâu ngập đầu người vây tròn lấy tập đoàn cứ điểm của địch. Sáng kiến nở rộ như hoa xuân. Phải làm sao đối với sự phản ứng của địch, càng vào trong càng điên cuồng của cả máy bay, pháo binh và bộ binh của chúng. Phải làm sao đào qua những tảng đá nằm trong lòng đất từ bao đời nay. Phải đào qua những bãi lầy, dưới những trận mưa đầu mùa đã làm cho đất khô biến thành bùn nhão. Và phải làm sao tăng cao năng suất, hôm sau nhanh hơn hôm trước, đêm sau sâu hơn đêm trước, trong lúc hỏa lực đối phó của địch ngày càng dày hơn, xung lực của địch ngày càng đông hơn...

Từ sáng kiến đào theo kiểu hàm ếch, dũi sâu trong lòng đất một đoạn rồi dùng xà beng đánh sập phần trên xuống rồi hót đất vun lên hai bờ, đến sáng kiến bện rơm thành những con cúi lớn, đẩy lên trước như bánh xe lăn để che đỡ cho các chiến sĩ ta trước làn đạn của các loại súng bộ binh của địch, khiến cho bao nhiêu đạn bắn thẳng tới đều găm cả vào thân con cúi, biến nó thành một cái mộc vững chắc và cơ động... Từ sáng kiến kết hợp giữa đánh và đào, vừa đào vừa đánh... đến sáng kiến lợi dụng từng đoạn dài giao thông hào của địch đánh bật chúng đi và biến đường hào của chúng thành đường hào của ta.... Vì

thắng lợi của chiến dịch, chiến sĩ ta đã nghĩ ra trăm phương nghìn kế, sáng tạo ra nhiều phương pháp đào trận địa, nhiều mưu mẹo nghi binh lừa địch, dương Đông kích Tây, đánh Nam, dẹp Bắc làm cho địch không kịp trở tay.

Từ trên máy bay nhìn xuống, giặc Pháp thấy ngày tận số của tập đoàn cứ điểm đến gần với một hệ thống giao thông hào, chiến hào nhằng nhịt như một cái mạng nhện khổng lồ đang chụp lấy các vị trí địch lúc này chỉ còn là những con ruồi tuyệt vọng. Kẻ địch đã không nhằm khi chúng ví hệ thống trận địa tấn công và bao vây của ta như một con bạch tuộc khổng lồ, im lặng nhưng ghê gớm biết bao khi những chiếc vòi của nó nhích dần như lưỡi hái của thần chết!

Tiếng cuốc xẻng rậm rịch suốt ngày đêm. Từ giao thông hào trục nối ra, vươn dài những giao thông hào nhánh, những «râu tôm», những ụ chiến đấu, vòng trong vòng ngoài lớp lớp tiến sát vào các vị trí và sân bay của địch.

Với hệ thống trận địa như vậy, quân ta đã khắc phục được những chỗ mạnh của địch là phi cơ và pháo binh của chúng, ngang nhiên đánh địch ngay trên đồng bằng và ngay giữa ban ngày. Trận địa công sự xưa nay vốn là phương tiện phòng ngự nay đã trở thành phương tiện tấn công. Dựa vào đó, quân ta tiến hành đánh lấn diệt nhiều cứ điểm địch, cắt đứt sân bay đưa tất cả các mục tiêu vào trong tầm các loại hỏa lực của ta, thực hành bắn tỉa, có ngày tiêu diệt hàng trung đội địch. Trận địa tấn công và bao vây của ta đã phát huy tác dụng to lớn về nhiều mặt, tiến có thể công, lui có thể giữ, vừa là trận địa tấn công, vừa là trận địa phòng ngự, vít chặt lấy đầu quân địch, ngày càng thu hẹp phạm vi chiếm đóng của chúng, bao vây chặt khu trung tâm và cắt đứt liên lạc giữa khu Trung tâm với phần khu Nam (Hồng Cúm), đẩy địch vào một tình thế khốn đốn vô cùng.

Từ bốn phía ta ào xô tới
Ghi nhớ lời kêu gọi của trên
Giặc thù đang lúc đảo điên
Đào thêm thước đất là thêm thước trời
Giặc khốn đốn chơi vơi giấy chết
Ta càng thi đua xiết vòng vây
Phi cơ tiếp tế đêm ngày
Dù lơ lửng hạ vào tay quân mình...

(Mác xung kích — Mùa xuân thắng giặc —
NXB Phổ thông 1961)

Nhờ có trận địa được cấu trúc vững chắc, quân ta có thể sinh hoạt tương đối thoải mái ngay trên tuyến lửa:

« Gần một tháng khổ công xây đắp
Chỗ ăn nằm xếp sắp đã tươm
Có đào hầm bếp thổi cơm.
Có màn che nắng, có rèm che mưa
Đường đi lại bàn cờ chi chít
Biển đặt tên chữ viết rõ ràng
Nào đường Bản Trại, Khâu Luông
Nào đường biên giới, nào đường An Châu...
Ngày hai bữa cơm rau nóng sốt
Thực hiện câu hai tốt ghi công... »

(Mác xung kích — Mùa xuân thắng giặc —
NXB Phổ thông 1961)

Hậu cần chiến dịch nhiều lần phải bổ sung cuộc xẻng mới vẫn không đáp ứng kịp nhu cầu. Người còn được nghỉ, nhưng xẻng cuộc thì không lúc nào ngơi, từ lúc khởi đầu cho đến cả sau ngày kết thúc chiến dịch.

Chiếc xẻng đơn sơ đã góp phần tạo nên hệ thống trận địa bao vây và tấn công vô cùng sáng tạo và lợi hại. Hãy

nghe địch thú nhận và than thở : «... Bộ chỉ huy của ta (Pháp) phát hiện rằng cái xẻng và cái cuốc là những vũ khí mình không kém gì xe tăng và máy bay»... «Trên mặt Bắc và mặt Tây của tập đoàn cứ điểm, công việc đào trận đã tiến hành nhanh chóng. Mỗi ngày, các phi công chỉ rõ sự tiến triển của các vòi. Các vòi ấy tràn qua Đô-mi-níc về phía Tây, tiến đến gần Ê-li-an từ phía Nam rồi xuất hiện ở hướng Tây tiến về phía Clô-đin và ở phía Bắc chỉ còn cách Huy-ghét 50m mà chắc chắn chúng sẽ tới trong ngày hôm sau»... «Các đơn vị trực tiếp tiếp xúc với địch phản ứng mãnh liệt. Những đường hào lộ thiên lập tức bị lấp lại và gài mìn. Thế nhưng, quân địch (Việt Nam) lại tiếp tục không mệt mỏi công việc đào dũi và tiếp ngay sau đó (quân Pháp) phải tiến hành những cuộc hành quân hục sự đề giải vây cho các cứ điểm bị uy hiếp nhất».. (Pi-e Lăng-gơ-le, đại tá, sách Điện Biên Phủ — NXB France Empire — Paris)

Và bằng một giọng chua chát không kém, các báo Pháp «Thế giới», «Nước Pháp buổi chiều» ra trong tháng 3-1954 cũng như tạp chí Tây Đức Gegen Wart (Hiện đại) đều nhìn nhận ...«Thực sự ở đây đã diễn ra những cuộc chiến đấu đẫm máu để ngăn chặn bước tiến của các hầm hào. Người ta bỗng liên tưởng đến cuộc chiến tranh hầm hào trong đại chiến thế giới lần thứ nhất»...

Chiếc xẻng của các chiến sĩ ta ở Điện Biên Phủ là vật nhỏ nhưng mang ý nghĩa lớn. Trong viện bảo tàng quân đội, chiếc xẻng đã cùn vệt không còn là một vật vô tri vô giác, mà thực sự đã thành một tài liệu sống, một hiện vật vô giá mãi mãi nói lên biết bao bài học sâu sắc về nghệ thuật quân sự Việt Nam, về tinh thần chiến đấu anh dũng, mưu trí sáng tạo của chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam cho các thế hệ ngày nay và mai sau.

PHẠM CHÍ NHÂN

Đoạt được cuộc sống mỹ mãn
Đoàn, 5/10/1945

Đã qua một, 6/10/1945
Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

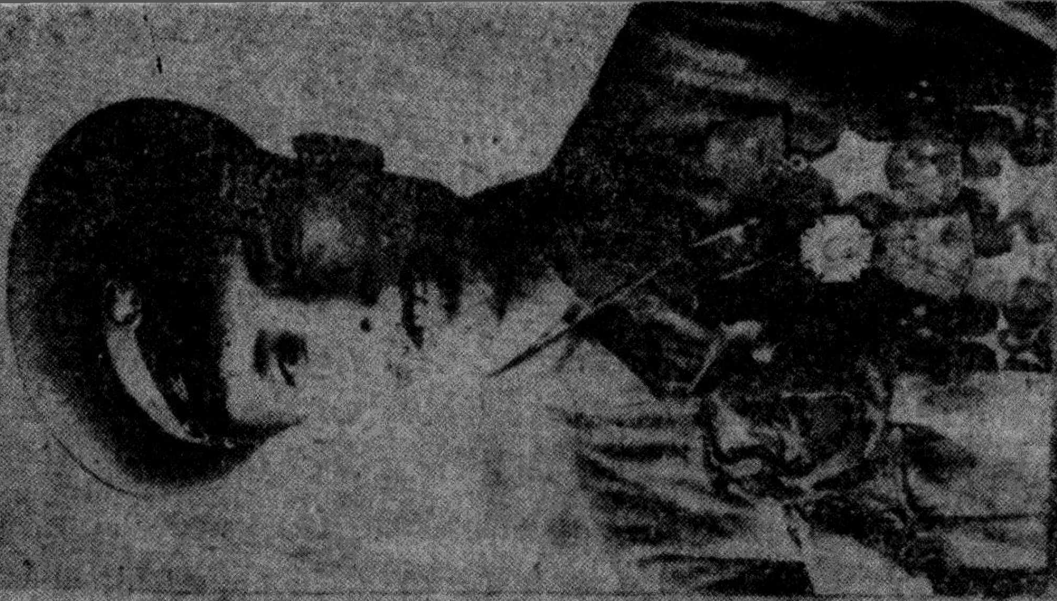
Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945

Đoàn, 5/10/1945



QUA MỘT CUỐN SỔ QUYẾT TÂM

Đồng chí cán bộ Viện bảo tàng quân đội đưa cho tôi một cuốn sổ nhỏ khổ 9 x 13 cm bằng giấy học trò, mỏng chừng hai chục trang và nói một cách trân trọng:

— Anh xem, may ra từ vật di tích nhỏ bé này có thể viết nên một cái gì đó.

Tôi nở ra, bàng hoàng, vì nhận ra bút tích và hình ảnh của một người bạn chiến đấu cũ: Anh hùng quân đội Nguyễn Quốc Trị.

Tôi với anh cùng ở trung đoàn 88, thuộc đại đoàn Quân tiên phong 308, cùng trải qua những năm tháng gian khổ và oanh liệt của thời kỳ chống thực dân xâm lược Pháp, suốt từ cuộc chiến đấu trên đường số 4 — «Con đường chết», theo từ gọi của một ký giả Pháp — đến chiến hào Đền Bêm Phủ, dưới sự chỉ huy của đồng chí Thái Dũng, trung đoàn trưởng dũng cảm kính mến mà thực dân Pháp gọi là viên quan tư cụt tay (Com-măng-đăng Măng-sô).

Với cương vị cán bộ tuyên huấn của trung đoàn, tôi được vinh dự chứng kiến bước trưởng thành của anh từ một tiểu đội trưởng xung kích trở thành một anh hùng quân đội được Đảng và nhà nước tuyên dương trong đợt phong danh hiệu anh hùng đầu tiên cùng với liệt sĩ Cù Chính Lan, chị Nguyễn Thị Chiên, anh La Văn Cầu và các anh hùng lao động Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh (1952), sau anh hùng Nguyễn Quốc Trị lên chỉ huy tiểu đoàn trưởng rồi trung đoàn trưởng về giải phóng Thủ đô Hà Nội (10-1954).

Lần giở từng trang, theo những dòng chữ viết lên xuống nguệch ngoạc của một người chiến sĩ xuất thân là bần nông, khi viết quyển sổ này, hay nói đúng hơn khi chép lại những dòng quyết tâm cũ của mình vào quyển sổ này (tháng 7 năm 1956) mới có trình độ văn hóa lớp 3, tôi như được sống lại những bước đường chiến đấu đã qua từ lâu cùng với gương mặt của những người chiến sĩ tiêu biểu cho một đại đội anh hùng của quân đội ta — đại đội mang tên đại đội trưởng Tô Văn.

Mở đầu là biên bản chỉ ủy giao nhiệm vụ cho đồng chí Nguyễn Quốc Trị chỉ huy một tiểu đội tiêu diệt lô cốt cố thủ của cứ điểm Đồng Qui. Chính trong trận này (11-1948), Nguyễn Quốc Trị với lưỡi mác xung kích (một con dao tông nhọn cắm vào đầu một cái gậy tre đục dùng thay cho súng trường lưỡi lê khi ấy còn thiếu) đã nổi lên như một chiến sĩ xung phong gan dạ, nhanh nhẹn, xông xáo, được mệnh danh là « Con sóc già » của trận đánh. Tiếp đó là lời phát biểu trước chi bộ của Nguyễn Quốc Trị khi anh vinh dự đón nhận Huân chương chiến công hạng nhất, một tặng thưởng vào lúc ấy chỉ dành cho một số rất ít người lập công xuất sắc nhất.

Rồi, đây là quyết tâm của anh trong trận Bản Trại, với những lời tha thiết vĩnh biệt đồng chí bí thư chi bộ, người đảng viên ưu tú Phan Phú. Đây là cảm tưởng của anh trong trận đối đầu với quân tàu Tưởng Giới Thạch ở biên giới Trung Việt và cả quyết tâm của anh trong việc lãnh đạo trung đội chịu đựng những gian khổ « bữa cơm, bữa cháo », « thiếu áo mặc, lấy lá cọ chống rét che mưa » khi về củng cố ở hậu phương.

Tôi lướt qua những trang quyết tâm của Nguyễn Quốc Trị trong các chiến dịch Biên giới, Trung du, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Hòa Bình với những chiến công nổi tiếng Cốc Xá — 477, Gôi Hạc — Non nước, Tu Vũ v.v...

đề đi ngay tới một trận đánh quan trọng của đơn vị chúng tôi trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ: trận cắt đứt cái dạ dày của tập đoàn cứ điểm.

Ấy là vào những ngày cuối cùng của chiến dịch. Sau đợt tấn công thứ hai, quân ta làm chủ phần lớn dãy đồi phía đông, uy hiếp từ trên cao sở chỉ huy của Đờ Cát. Đồng thời về phía Tây, chúng ta dùng chiến thuật đánh lấn lần lượt tiêu diệt các cứ điểm 106, 206, 105... Cái thông lọng chiến hào của quân ta đánh một vành đai khép kín thít chặt khu trung tâm lúc nhúc những cứ điểm, cắt rời với khu Hồng Cúm phía Nam. Những mũi nhọn chiến hào của ta từng đêm, từng đêm như những bàn tay thần kỳ vươn thẳng vào tim gan quân giặc. Có chỗ chỉ còn cách sở chỉ huy của Đờ Cát chưa đầy 300 mét.

Khó khăn nhất của địch lúc ấy là vấn đề tiếp tế lương thực, đạn dược và giải quyết thương binh. Tất cả chỉ trông chờ vào một cái cầu hàng không từ Hà Nội lên với bãi đáp là cái sân bay dã chiến chạy từ sở chỉ huy ngược lên phía Bắc.

Lúc đầu, cánh không quân vận tải còn liều mạng tranh thủ hạ cánh ban đêm, đề dầy hàng tiếp tế ra, đón thương binh lên đưa về Hà Nội. Sân bay này liền bị súng cao xạ, pháo binh và các loại súng cối, súng liên thanh khống chế. Địch buộc phải thả dù từ trên cao cả người và súng đạn, lương thực xuống cho « binh đoàn đồn trú ».

Vòng vây chiến hào càng thít chặt thì số dù thả lạc ra ngoài rận địa càng nhiều, có đêm tới hai phần ba. Trong đó đủ cả quân lính, súng đạn, bánh mì, thuốc lá, kẹo và cả... bn thiếu tướng của Đờ Cát mới được phong hàm. Tuy nhiên, vẫn còn một số dù lọt vào tay quân địch và một số nằm chổng tro giữa trận địa hai bên.

Đề riệt hạ hoàn toàn đường tiếp tế cho tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, bẻ gãy ý chí đề kháng của chúng.

Bộ chỉ huy chiến dịch của ta hạ lệnh cho các đơn vị bao vây mở một đợt chiến đấu cắt đứt cái da dày Điện Biên Phủ, tạo điều kiện cho quân ta tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Tiểu đoàn 23 thuộc trung đoàn 88, do tiểu đoàn trưởng anh hùng quân đội Nguyễn Quốc Trị chỉ huy lúc ấy đang đứng ở đầu đội hình trung đoàn ở phía Tây, có nhiệm vụ đào một đường chiến hào cắt ngang sân bay, gặp gỡ với đơn vị bạn từ phía Đông đào sang. Đường chiến hào này đào đến đâu phải có thêm nhiều nhánh « râu tôm », lập thành trận địa sẵn sàng đánh quân địch ra phản kích. Vì chắc chắn chúng không thể nằm yên chờ chết.

Đêm 19 tháng 4 năm 1954, với sự chi viện của hỏa lực đại đoàn, trung đoàn và nhân lực của các tiểu đoàn bạn, tiểu đoàn 23, mang danh hiệu đơn vị chiến thắng Lũng Phầy (cùng đơn vị bạn diệt trên 113 xe cơ giới trên đường số 4 ngày 31 tháng 9 năm 1949), đã chọc qua hàng rào sân bay chồm vào đến đường băng.

Nhìn thấy nguy cơ ngay trước mắt, Đờ Cát quyết định phải mở ngay một đợt phản kích thật quyết liệt. Không phải suy nghĩ gì lâu, Đờ Cát chọn viên thiếu tá Bi-gia, chỉ huy tiểu đoàn 6 dù thuộc địa làm chỉ huy trưởng trận đánh.

Bi-gia vốn là một sĩ quan sừng sỏ, đã từng chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa vòng vây vào ngày 28 tháng 3 năm 1954 ra khu vực trận địa của ta ở Hồng Lếch, phía Tây, lúc ấy mới đào được nửa chừng còn chưa vững chắc. Lại chính Bi-gia, được Đờ Cát tin nhiệm giao cho chỉ huy nhiều đợt phản kích lên đồi A1 (Eliane II) và các quả đồi khác ở phía đông. (Sau này, Bi-gia đã làm tới thứ trưởng bộ quốc phòng Pháp).

Nhận được nhiệm vụ, Bi-gia xin Đờ Cát cho dốc phần lớn lực lượng xe tăng còn lại của khu trung tâm (6 chiếc) cùng với sự yểm trợ tối đa của các loại hỏa lực cho quân lính của y yên lòng xung trận.

Tờ mờ sáng, Bi-gia đã bí mật dàn quân theo các rãnh đường băng, tiến lên giáp chiến hào của quân ta, bất ngờ dùng tiểu liên, lựu đạn, lưới lê xông vào đánh giáp lá cà hòng chiếm lấy một đoạn chiến hào làm bàn đạp tấn công phá hủy hoàn toàn trận địa phòng ngự của tiểu đoàn Nguyễn Quốc Trị vừa mới lập.

Đợt xung phong đầu tiên tuy có làm cho các chiến sĩ đại đội 211 thuộc tiểu đoàn lúng túng đôi chút. Nhưng chỉ sau giây lát, được sự tiếp viện của đại đội 213, với tinh thần chiến đấu kiên cường, hai đơn vị đã đánh bật đội tiên phong của Bi-gia ra khỏi trận địa.

Bi-gia lại phải dùng đến chiến thuật cổ điển. Y cho quân lùi về phía sau, đào rãnh ẩn nấp, rồi dùng pháo binh các loại bắn dồn dập vào trận địa của ta, thậm chí dùng cả máy bay giới xuống hàng loạt bom chỉ cách quân chúng chưa đầy 100 mét. Sau đó, yên trí rằng quân phòng ngự đã bị nghiền nát, Bi-gia huy động 4 chiếc xe tăng dàn hàng ngang tiến lên dẫn theo cả một tiểu đoàn lính mã nhõ.

Lần này, các chiến sĩ ta bám chặt từng ngách chiến hào lở loét nóng bỏng, hiên ngang dùng ĐKZ, thủ pháo ngăn chặn, phá hủy xe tăng, dùng lựu đạn, tiểu liên K50, lưới lê đánh giáp lá cà với bộ binh địch. Đó là Phan Quốc Ân, một chiến sĩ trẻ măng nguyên là một thiếu sinh quân đang được học trường sư phạm ở hậu phương nặng nề đời bằng được ra tiền tuyến trực tiếp cầm súng đánh giặc. Ngay đợt «tám lửa» đầu tiên, anh đã quật ngã được 4 tên địch — Giữa hai đợt chiến đấu bị mắc bệnh đi kiết từ mấy hôm trước, Ân đang tụt quần ra đi đại tiện thì quân địch thỉnh linh xông tới. Anh không kịp mặc quần lại, cứ thế tồg ngừng cầm súng chiến đấu. Qua ba ngày chiến đấu liên tục, anh mệt lả, nhưng vẫn không chịu rời trận địa, cho đến lúc trúng đạn cụt một chân. Từ một chiến sĩ bình thường anh được đề bạt tiểu đội trưởng rồi trung

đội phó. Sau này anh được bầu làm chiến sĩ thi đua của sư đoàn. Đó là Nguyễn Văn Mão, một thanh niên xung phong mới chuyển sang bộ đội ngay tại mặt trận. Đêm hôm trước vừa được bổ sung vào đại đội 213 thì ngày hôm sau đã trực tiếp chiến đấu với địch. Qua ba ngày chiến đấu, anh đã tự học sử dụng thành thạo ba thứ súng (súng trường, tiểu liên và pa-tát) diệt được nhiều địch. Trong chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, anh chiến đấu ở miền tây Nam bộ và hiện nay là chủ nhiệm hậu cần một sư đoàn — Đó là đại đội trưởng Mai Viết Thiêng, chính trị viên đại đội Nguyễn Hữu Hiệp (tác giả các bài hát An Châu, Quân tiên phong...) chiến sĩ thông tin Lê Duy Khắc (sau này là người chỉ huy phân đội phóng lôi tiến công khu trục hạm Ma-Đốc 2-8-64) v.v...

Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Quốc Trị luôn luôn sát cánh cùng bộ đội vừa chỉ huy vừa trực tiếp chiến đấu bẻ gãy 5 đợt phản kích (trong đó có nhiều đợt xung phong) từ ngày 20 đến ngày 24 tháng 4 năm 1954. Đến đêm, anh lại chỉ huy bộ đội tiếp tục đào chiến hào cắt đứt hoàn toàn sân bay Điện Biên Phủ. Cho đến ngày 25 tháng 4 thì sân bay Điện Biên Phủ bị quân ta chiếm lĩnh hoàn toàn. Hùng hổ như Bi-gia cũng đành bỏ lại xác mấy chiếc xe tăng (hiện còn một chiếc) kéo quân chui vào hầm cố thủ, chờ ngày cùng toàn bộ quan quân Đờ Cát cờ trắng ra hàng.

Đến đây, tôi thật không ngờ anh Nguyễn Quốc Trị, người bạn chiến đấu cục mịch, người chỉ huy quân sự sắt đá, đôi khi nóng nảy, lại có làm thơ. Có lẽ là do hết sức xúc động trước tấm gương anh dũng của đồng đội, tự hào trước chiến thắng vẻ vang, nên anh đã dùng văm vắn đề ghi lại giờ phút ấy. Anh viết:

*Bác Hồ đang đứng trên kia
Bác nói việc gì, anh em đều biết
Bác nói:*

Các cháu chiến đấu thiết là anh dũng

Sau 3 ngày ác chiến đã chống địch 5 lần xung phong

Kết quả đưa quân địch xuống đường cùng...

Hôm nay, Nguyễn Quốc Trị không còn nữa. Anh đã hy sinh năm 1967 trên chiến trường khu 4, trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ. Lúc ấy anh đã được phong quân hàm thượng tá.

Quyền sở quyết tâm của anh tuy nhỏ, mỏng nhưng chiều dày của nó chính là chủ nghĩa anh hùng cách mạng của anh, của đồng đội anh, là bản chất truyền thống tốt đẹp của quân đội nhân dân ta, các lực lượng vũ trang ta « trung với nước, hiếu với dân ». « Trung với Đảng, hiếu với dân Sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng », như lời Bác Hồ kính yêu đã dạy.

Từ quyền sở quyết tâm của anh, chúng ta phải nhắc đến chiều dày, chiều rộng của biết bao nhiêu thư quyết tâm, kế hoạch lập công của hàng vạn, hàng chục vạn chiến sĩ ta đã viết trên giấy sờ tay, trên vỏ bao thuốc lá, mảnh vải nhựa, vành mũ và cả trên vách chiến hào, trên mảnh tre, nứa trước mỗi trận đánh, trước giờ trực tiếp giáp mặt với quân thù.

Đó là một hình thức biểu lộ tinh thần, ý chí, tình cảm cách mạng cao đẹp của các anh, tuyệt đại đa số là chiến sĩ thanh niên. Đó cũng là một truyền thống nền nếp công tác chính trị rất sáng tạo, có giá trị trong quân đội nhân dân ta ngày nay nên học tập, phát huy.

12-83

ĐẠI ĐỒNG



Chiếc máy điện thanh
và chiến sĩ Chu Văn Mùi trên đời A1

LÀN SÓNG ĐIỆN TRÊN ĐỒI A1

Mười bốn năm sau chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, năm 1963 trong tác phẩm « Điện Biên Phủ, một góc địa ngục », Féc-na Phôn (Bernard Fall) phóng viên đặc biệt của các tờ báo lớn của Mỹ⁽¹⁾, có nhắc lại một đoạn tiếng lóng nói lên uy lực của pháo ta.

« Khách hàng đi ngang đường vải trắng, yêu cầu nhà phát hành gửi dưa hấu, gửi dưa hấu thật nhiều! »

Từ một góc đồi phía đông bắc A1 phát đi làn sóng điện thanh :

— « Khách hàng đã lên đường vải đỏ, có hai con bò húc đồ cuốn cà phê, yêu cầu chủ hàng gửi gấp bí ngô, bầu, củ ấu... »

— « Khách hàng đã lên đường..., yêu cầu... »

Cứ sai những tiếng lóng đó phát từ chiếc máy điện thanh sí... (hiện đang trưng bày ở Viện bảo tàng quân đội) về tới dãy núi phía Bắc lòng chảo Điện Biên Phủ, các cỗ pháo của ta lại âm ầm đồ đạn trùn xuống đám đen bộ binh và xe tăng địch đang ào ạt xông lên đồi A1, nơi một bộ phận quân ta đang chiến đấu giữ trận địa ở lưng đồi, từng đợt khói đen mù mịt mỗi khi tan loảng lại lộ ra những sắc địch ngồn ngang, những chiếc xe tăng bị phá hủy.

Cứ như thế, nhiều đợt phản kích của địch bị chặn lại.

(1) Bernard Fall : « Điện Biên Phủ, un coin d'enfer » nhà xuất bản Robert Laffont - Paris - in tháng 6 năm 1968, tr. 247.

Những loại pháo đó không những làm cho địch hết hoảng, bất ngờ mà ngay khi vào tung thâm để trực tiếp chỉ huy chiến đấu trên đồi A1, trung đoàn trưởng trung đoàn thủ đô Hùng Sinh, một người chỉ huy gan góc dũng cảm, cũng phải ngạc nhiên: « Không hiểu ai chỉ mục tiêu cho pháo ta lúc này? Không lẽ pháo ta tự động bắn?! ».

Còn các chiến sĩ Thủ đô chiến đấu trên đồi này thì hoan hô:

— « Pháo ta bắn tài quá, các đồng chí ơi! Tây lên chết khối! ».

Đó là thành tích của chiếc máy điện thanh, được trưng bày tại Viện Bảo tàng Quân đội, chiếc máy do đồng chí Chu Văn Mùi cách đây 30 năm là tiểu đội trưởng của đại đội thông tin 127. ⁽¹⁾ đã sử dụng trên đồi A1 (địch gọi là Ê-li-an 2) nơi đã diễn ra một trong những trận chiến đấu ác liệt nhất, vang dội nhất của chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 mà sử sách của ta và nước ngoài (kể cả của thực dân Pháp) không thể nào không nhắc tới.

*
* *

Ta hãy ngược lại thời gian cách đây 30 năm, vào 4 ngày đầu tháng 4 năm 1954 (30-3-54 đến 3-4-54), 4 ngày đêm chiến đấu trên đồi A1 mà đại tướng Võ Nguyên Giáp trong tác phẩm viết về Điện Biên Phủ của mình đã đánh giá « diễn biến chiến đấu hết sức gay go ».

Vừa bị mất các cứ điểm C1, D1, E1 bảo vệ Mường Thanh, địch cố sống chết để giữ bằng được Ê-li-an 2 (tức A1), thì sở chỉ huy của Đờ Cát — linh hồn và trái tim của tập đoàn cứ điểm — sẽ bị uy hiếp nghiêm trọng. Nếu ta chiếm được A1, ngọn đồi chỉ cách sở chỉ huy tập

(1) Đồng chí Mùi nay là Đại tá quân đội nhân dân Việt Nam.

đoàn cú điểm 500 mét thì khác nào cầm dao kề vào cổ họng địch. Cho nên Đờ Cát, một mặt ra lệnh cho quân lính chúng phải giữ Ê-li-an 2 bằng bất cứ giá nào, mặt khác giao cho tên trung tá Lãng-gơ-le, chỉ huy phó tập đoàn cú điểm, trực tiếp chỉ huy lực lượng cơ động tinh nhuệ từ khu trung tâm Mường Thanh gồm lính dù, lê dương thuộc bán lữ đoàn lê dương số 13 (13c D. B. L. E) có lịch sử chinh chiến hàng 100 năm đánh lên đồi A1 để giành lại phần vị trí đã mất. Lãng-gơ-le đã ném không thương tiếc quân chúng thí mạng trên ngọn đồi nhỏ bé này mà qua cuộc giao tranh giữa đôi bên đã không còn hình thù một cú điểm. Ngọn đồi đã bị tan hoang vì bão lửa các cỡ súng của ta và địch, đất đá ở đây nát vụn như cám lẫn mảnh vụn kim khí của các loại đạn, bom.

Cuộc chiến đấu ở A1 càng trở nên quyết liệt. Suốt một đêm và một ngày, ta và địch tranh chấp nhau từng tấc đất. Địch tập trung mọi vũ khí, phương tiện tối tân nhất quyết tâm cắt đứt bộ phận phòng ngự trên đồi A1 của ta rồi tuyền sau của trung đoàn.

Giữa lúc ấy đồng chí Chu Văn Mùi phụ trách tổ điện thành gồm có Mùi là tổ trưởng, Đàm Văn Đức là phụ máy) từ mặt trận phía Tây Điện Biên Phủ nhận được lệnh về A1 nối lại đường dây mạch máu với chỉ huy sở trung đoàn bằng vô tuyến điện thành.

Từ nặt trận phía Tây Nam sang phía Đông tổ điện thành, đã phải vượt bao nguy hiểm trên những quãng đường, những bãi trống mà địch đã bố trí kế hoạch hỏa lực sẵn sàng nhả đạn. Các anh đã phải mạo hiểm, khôn khéo lờ địch, có lúc phải trườn như rắn, có lúc phải giả vờ chế, chờ địch ngớt bắn, chạy vọt lên... rồi mới tới được góc đông bắc ngọn đồi A1. Một cảnh tượng sau các cuộc tranh chấp ác liệt hiện ra trước mắt hai anh:

Thương binh nằm chật ních trong hầm chỉ còn 3 đồng chí khỏe mạnh. Đại đội 674 lạc mất chỉ huy. Tiểu đoàn

trưởng bị thương ra ngoài đồn từ hôm qua. Chính trị viên cũng ra khỏi đồn đi tổ chức tiếp tế cơm nước cho bộ đội. Trên góc đồi còn lại tổ điện thanh và một số thương binh nằm trong hầm. Mùi và Đức chọn một căn hầm bị sập nửa để đặt máy điện thanh, tổ chức liên lạc với trung đoàn và sát nhập với bộ binh chiến đấu bảo vệ trận địa.

7 giờ sáng ngày 2-4-1954, liên lạc từ trung đoàn Thủ đô với tiểu đoàn 18 mất hẳn.

Máy bay hai thân xuất hiện, triệu chứng địch thả quân tiếp viện. Chu Văn Mùi mở máy báo cáo với đại đoàn. Lệnh của đại đoàn là phải chuẩn bị đánh quân tiếp viện.

Ở trên góc đồi đông bắc này hiện chỉ còn tổ điện thanh 2 người (Mùi và Đức) và số anh em thương binh, trước mặt bảy tám mươi thước là địch, chúng đã mang xe tăng lên gằm gờ phản kích, đằng sau là hầm thương binh.

Ai sẽ chỉ huy đánh địch bảo vệ trận địa, bảo vệ thương binh. Không thể chần chừ. Chu Văn Mùi bàn với Đức rồi vào hầm trao đổi với số thương binh còn có thể chiến đấu được, lập tổ chiến đấu bảo vệ trận địa và thương binh.

Anh em đều tin nhiệm bầu Mùi làm người chỉ huy vì khi vượt qua các chặng bắn chặn của địch để vào A1, quan sát thấy địch phản xung phong, anh đã bình tĩnh vừa tiến, vừa liên lạc chỉ mục tiêu cho pháo ta bắn tan nhiều đợt phản xung phong của địch.

Lãnh trách nhiệm chỉ huy, Mùi đã bố trí chiến đấu rất đúng chiến thuật phòng ngự và tùy hoàn cảnh từng người, tùy vết thương nặng nhẹ mà chia vũ khí: Các đồng chí bị thương nhẹ bố trí ở bên ngoài, trung thương ở tuyến giữa, trọng thương nằm nguyên; một số chặn địch từ hướng Mường Thanh lên, một số ngăn chúng từ C2 tới; đối với bọn ở xa thì gọi pháo diệt, địch đến gần năm mươi thước thì dùng súng trường tiêu liên đánh địch.

Chỉ ít phút sau, bộ binh địch đã xuất hiện. Cả một tiểu đoàn tinh nhuệ của địch tiến lên đời. Mũi động viên thương binh chiến đấu. Tất cả các đồng chí còn lê được, bò được đều bò cả dây xin súng xin lựu đạn, sẵn sàng cầm vũ khí diệt giặc.

Anh em đều tích cực chấp hành mệnh lệnh của Mũi. Có đồng chí cụt một chân mà vẫn hăng hái nhận một quả bộc phá 5 cân để chuẩn bị đánh xe tăng. Mũi vừa chỉ huy chiến đấu, vừa mở máy vô tuyến điện gọi pháo bắn yểm hộ. Cuộc phản kích bị chặn lại.

Một tình thế hiểm nghèo đến với anh. Sau nhiều trận tranh chấp ác liệt. Tò điện thanh bị lọt vào vòng vây của địch. Giặc Pháp tràn qua. Mũi và Đức vội vàng thu máy, thu pin rút vào một đường hào phía trong. Họ vẫn đứng lại ở góc đời này tiếp tục liên lạc với Đại đoàn.

12 giờ ngày 2-4, trưởng mạng vô tuyến điện thanh của trung đoàn bắt được tiếng nói của Mũi, nhắc anh giữ liên lạc và giao nhiệm vụ tìm gặp Trung đoàn trưởng đang ở cửa mở để nối thông với đại đoàn.

Bỗng Mũi thấy hướng Mường Thanh địch tiếp viện lên rất đông. Mũi và Đức bàn nhau ra phía cửa mở để liên lạc với đơn vị. Nhưng với ý thức tổ chức kỷ luật, Chu Văn Mù báo cáo xin ý kiến của đại đoàn vì lúc này giữ vững trận địa là nhiệm vụ vô cùng quan trọng.

Trong máy vọng lên không phải tiếng điện thanh viên mà tiếng của đại đoàn trưởng truyền lệnh của đại tướng chỉ huy mặt trận không một ai được rút lui trong lúc khó khăn này. Mệnh lệnh của trên : «Cố giữ trận địa được phút nào hay phút ấy, để đội dự bị chuẩn bị được đầy đủ mở cuộc tiến công tiếp viện vào đêm 2-4».

Thế là họ ở cả lại với quyết tâm «Còn người, còn trận địa!».

Một đám quân cơ động địch quần áo rần rì đầy bụi vàng khè bắt đầu vượt sông Nậm Rốm. Lập tức Chu Văn Mùi gọi trận địa pháo 105 ly nã vào quân địch :

— « Khách hàng đi ngang đường vải trắng, yêu cầu nhà phát hành gửi dưa hấu, gửi dưa hấu thật nhiều! »

Đáp lời anh, đạn pháo của ta rập xuống đầu địch. Đám đen bộ binh địch quang hân. Dây đỏ xe tăng bị cháy thui lúc mới chớm bò tới lưng chừng đồi phía bờ sông Nậm Rốm.

Cứ thế, trong các tình huống khác nhau với những tiếng lóng lúc thì « Khách hàng đến đường vải đỏ », lúc thì « đến đường vải xanh », lúc gọi « Quản lý thanh toán tài chính... » với vũ khí của mình là chiếc máy điện thanh, Chu Văn Mùi và Đàm Văn Đức đã chiến đấu với quân thù. Nghiễm nhiên anh trở thành người chỉ huy cao nhất ở góc đồi đông bắc này. Trong tay anh có tới 5 trận địa pháo.

Bọn Pháp sau mấy đợt tiến công, biết được ở góc đồi này, lực lượng ta chỉ có vài người. Chúng quyết tiêu diệt. Nhưng chúng có biết đâu Mùi đã có bảo bối đặc biệt. Mỗi khi chúng ồ ạt kéo lên, anh lại gọi pháo bấm, khi thì pháo 105 ly, khi thì cối 120, lúc thì gọi som pháo 75, cối 82. Pháo ta bắn ngày càng chính xác, giội lửa xuống đầu địch. Không những bộ binh địch tan xác mà xe tăng địch cũng bị phá hủy.

Có những lần pháo địch bắn ngay vào nơi tổ điện thanh. Ăng-ten cao hai thước tư đã bị tiện dần mòn chỉ còn gang tay. Có lần địch xô vào phía tổ điện thanh. Mùi gọi pháo bắn về phía mình. Trận địa pháo hỏi lại: Công sự có bảo đảm không? Tình thế trận địa gặp lúc hiểm nghèo. Vì trách nhiệm chung, không suy tính nguy hiểm cho tính mạng mình, Mùi và Đức vẫn trả lời: bảo đảm!. Pháo ta bắn tới tấp. Hầm rung lên. Địch chết la liệt. Nhưng ta

cũng bị hy sinh một số. May sao Mùi vẫn còn sống, anh vội tìm máy. Tiếng máy điện thanh lại kêu o...o. À! Mùi reo lên nhưng chợt anh lặng người đi. Máy đồng đội trong đó có Đức, người đã cùng anh vào sinh ra tử nay không còn nữa. Lòng anh đau như cắt và tràn đầy căm thù!

Cuộc chiến đấu trên đồi vẫn giằng co.

Nghĩ lại việc anh nhận lệnh trực tiếp từ đại đoàn trưởng và cả lệnh của đại tướng, anh không khỏi xốn xang trong lòng. Anh cảm thấy vinh dự và càng thấy trách nhiệm của mình.

Tuy nhiên trong việc sử dụng pháo bắn, không phải anh được đề dăng chỉ huy bấy nhiêu trận địa pháo. Nhớ lại trong đêm mồng một tháng tư, cuộc chiến đấu diễn ra gay go. Mọi đường liên lạc cả điện thanh đều gián đoạn. Pháo địch bắn trùm lên đồi và cửa mở. Trung đoàn Thủ đô và cả đại đoàn đều không nắm được tình hình cụ thể trên đồi ra sao.

Đột nhiên máy thu phát đại đoàn nhận được từ cứ điểm A đánh về yêu cầu pháo bắn mạnh về phía tây nam cứ điểm. Trưởng mạng vô tuyến điện thanh của đại đoàn nghe giọng nói giống như của Chu Văn Mùi nhưng anh cũng thấy là lạ: tại sao trong hoàn cảnh trận địa còn một mình, địch lại tấn công nhiều mũi mà Mùi vẫn có thể bình tĩnh gọi mật mã cho pháo bắn đúng như thế được?! Anh thoáng nghĩ có thể là địch tóm được Mùi, lợi dụng để đối phó với ta, không lẽ Mùi ra hàng?! Nhưng nhớ lại khi Mùi còn là quần chúng cảm tình đảng đã được chỉ bộ bảo đảm thử thách nhiều lần trong những tình huống gay go nhất là trong những trận chiến đấu ở phía Nam Điện Biên Phủ, lúc nào Mùi cũng bình tĩnh, gan dạ như thế, thì anh không thể tin là Mùi hàng địch. Song với tình thần cảnh giác và là một nguyên tắc trong ngành, anh thấy cần phải kiểm tra và thử lại Mùi.

— Nguyễn Văn! Nguyễn Văn! Đai trưởng của N là thế nào? Thủ trưởng là ai?

Từ A1 Mùi đáp lại:

— Mùi đây! Chính Mùi đây!

Mùi đã trả lời đúng mật hiệu về những câu hỏi thử của trưởng mạng vô tuyến điện thanh. Lúc đó trung đoàn và đại đoàn mới biết ta còn người ở góc đồi này và Chu Văn Mùi vẫn còn sống. Đề trên càng tin tưởng, Mùi nhen ngào nói:

— «Anh Nhượng ơi! Tôi đã nhận ra anh rồi, mà anh chưa nhận ra tôi ư? Hay là anh không tin tưởng ở thằng Mùi này nữa. Túi Mùi hãy còn một quả lựu đạn. Dù thịt nát, xương tan, Mùi quyết không bao giờ để chúng bắt đầu. Nhất định nó không dùng tới được!».

Khi đại đoàn xác định đúng là người của mình, Chu Văn Mùi mới được thỏa mãn yêu cầu đánh địch, giữ vững trận địa, bảo vệ thương binh.

Và một nhiệm vụ mới đến với anh: Không ở góc đông bắc nữa, anh phải tìm gấp bằng được trung đoàn trưởng hiện đang ở cửa mở 2, đề liên lạc giữa trung đoàn trưởng với đại đoàn.

Nhận lệnh, nhìn đến thương binh anh không muốn rời ra một phút. Nhưng anh cũng nhận thức được: Có tìm được trung đoàn trưởng thì trận địa mới còn và thương binh mới về được. Rồi thương binh ra đi lúc này là một khổ tâm đối với anh, nhưng với lòng tin tưởng ở trên, lòng thương đồng đội, anh hạ quyết tâm: Tìm cho thấy trung đoàn trưởng.

Khoác máy lên vai, Mùi tạm biệt anh em thương binh. Lạ thay!? Chiếc máy 25 cân anh thường mang vác nhẹ nhàng lúc này nặng quá chừng. Thì ra là mấy ngày chiến đấu, quá đói, quá khát đã làm cho chân tay bủn rủn không nhắc nổi máy. Suy nghĩ cách giải quyết, anh lấy

chiếc ca đi giải vào và uống ngay nước đá của mình. Một phút sau anh nhắc được máy lên, chào các thương binh ra đi. Anh em thương binh nhao lên, hỏi lý do và có ý tách anh bỏ đi trong tình huống gay go này. Có đồng chí thương binh nói thẳng với anh: «Thôi đồng chí có định chuồn thì cứ nói thẳng, chúng tôi sẽ tự xử. Có thể nó rằng không có đồng chí, còn một thương binh thôi, trận địa vẫn còn, mệnh lệnh của trên là như thế».

Anh bình tĩnh nói cho anh em rõ vì nhiệm vụ cấp trên giao anh phải đi chứ thực tâm anh không muốn rời anh em thương binh lúc này.

Tám gương chiến đấu trong 3 ngày qua! Tinh thần chịu đựng gian khổ của anh: không kêu đói, không kêu khát, không một phút nào ngừng chiến đấu, cách đối xử của Mui làm cho các đồng chí cảm phục đã xua tan những ý nghĩ không đúng về anh.

Con đường tìm về phía cửa mở để gặp trung đoàn trưởng không phải dễ dàng. Ngọn đồi A1 có tầm quan trọng sống còn đối với chúng, địch đã có kế hoạch hỏa lực bắn vào những hướng nghi quân ta đột nhập nhất là phía ta đã mở cửa. Cuộc giao tranh giữa đôi bên đã làm cho những đường hào sụt lở, sáng còn cao một đầu một vó mà đến trưa nhiều quãng bị lấp bằng. Đây đó hố bom, hố đại bác, hố chiến đấu đầy xác giặc. Đây đó lửa cháy, mùi thuốc súng, mùi xác chết xông lên nồng nặc ngạt ngào. Chiều tối 31-3-1954, trong khi tất cả đường liên lạc từ bộ chỉ huy chiến dịch xuống các đơn vị ở Điện Biên Phủ đều thông suốt, riêng ở phía đồi A1, pháo địch bắn dữ dội, 12 chiến sĩ điện thoại đã hy sinh và bị thương nặng nên không sao nối lại được liên lạc ở cửa mở mặc dầu đã đặt một lần 3 đôi dây (hai bên và giữa cửa mở).

Mũi bò quanh, bò quanh tìm cách tránh đạn địch khi vượt qua bãi trống. Có lúc ngắt đi, tĩnh lại. Một trở ngại trước mặt anh, một hố bom có gờ cao đất đùn lên, trên đó

có những thi thê đồng đội. Anh đoán là định vượt qua đây mà nhiều đồng chí bị địch bắn chết. Người không mang gì vượt qua đây đã khó mà anh, sức đã yếu, vừa mệt vừa khát lại mang trên mình chiếc máy nặng 25 cân, vậy làm thế nào mà vượt qua cho được? Không những phải bảo vệ người mà còn phải bảo vệ cả máy an toàn, vì chiếc máy điện thanh lúc này còn quý giá hơn cả xương máu mình. Anh đang suy tính tìm cách vượt, bỗng một chiếc dù lủng lợ từ từ xuống. Chớp thời cơ, anh vọt lên, vượt qua gờ hố bom, nhảy tót xuống lòng hố. Một loạt đạn chiu chiu vút trên đầu anh. Nằm trong lòng hố bom, anh thấy địch đã nhận ra anh, hễ lộ đầu lên là bị trúng đạn địch. Phải tìm cách ra khỏi nơi đây. Nhưng bằng cách nào?

Tiếng súng giao tranh ở A1 không lúc nào ngừng. Địch quyết đánh bật ta ra khỏi A1. Chúng thả bom ngay trên mặt đồi để sát thương quân ta, vì quân chúng có hầm ngầm kiên cố che chở. Hy sinh tính mạng anh không sợ. Nhưng hy sinh mà không hoàn thành nhiệm vụ là vô ích. Mình và máy phải an toàn để khi gặp được trung đoàn trưởng có thể tiếp tục làm việc. Bỗng một trái bom đen chũi đang lao xuống, rít lên sèn set dượt qua đầu anh. Đây là thời cơ hiếm có. Địch cũng sợ chính bom của chúng, nên thụt xuống hầm. Anh lấy hết sức bình sinh lao lên và chạy về phía hầm chỉ huy của trung đoàn trưởng. Lúc đó đại đội trưởng Trọng Thành đứng cảnh giới trước căn hầm của trung đoàn trưởng, chợt thấy một vật rơi khá nặng sau lưng. Thành quay lại, nhìn thấy một chiến sĩ điện thanh của ta người trắng những bụi đất nhòai tới. Đồng chí Trọng Thành vội đưa Mùi vào gặp đồng chí Hùng Sinh lúc này bị thương nằm trong hầm. Chính trung đoàn trưởng Hùng Sinh đã vừa chỉ huy, vừa trực tiếp chiến đấu như một chiến binh, đánh lùi một đợt phản kích của địch, khôi phục được trận địa.

Sau khi cử liên lạc về đại đoàn, trung đoàn trưởng vạch kế hoạch cho đội dự bị đánh lên A1. Anh đang sốt ruột vì chưa có tin tức gì thì thấy Chu Văn Mùi mang máy đến. Trung đoàn trưởng vui vẻ nắm chặt tay anh và hỏi máy còn làm việc được không?

Mùi ném sợi dây ăng-ten lên nóc hầm, cho máy chạy.

Đại đoàn trưởng đã liên lạc với trung đoàn trưởng!

Nói sao cho hết giây phút cảm động ấy!

Đồng chí Hùng Sinh báo cáo tình hình và đề nghị với đại đoàn trưởng:

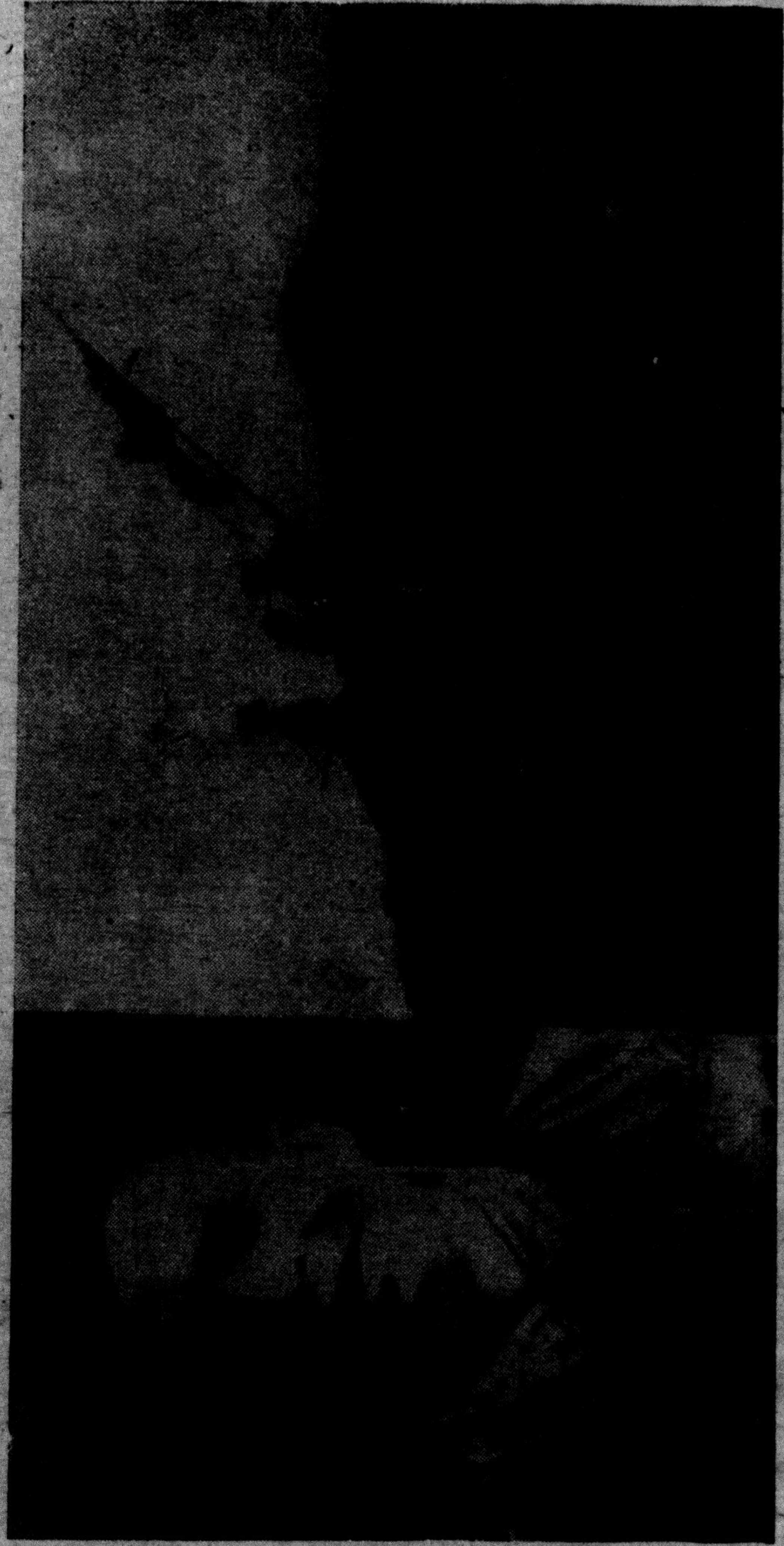
— Đề nghị đại đoàn điều thêm quân, tối nay chúng tôi lại tiến công. Vâng! Lại tiến công! Tiến công!

Chu Văn Mùi và tổ điện thanh đã hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc⁽¹⁾.

Làn sóng điện anh hùng trên đồi A1 đã thắng địch một trận giòn giã.

- LÊ ĐỒNG

(1) Sau này anh Chu Văn Mùi được tặng danh hiệu anh hùng quân đội nhân dân Việt Nam.



Phan Đình Giót, anh hùng lớp lõ châu mai trên đồi Him Lam.

TỪ TẤM ẢNH LỊCH SỬ ẤY

Đồng chí đại đội trưởng đại đội lựu pháo 806 chăm chú nhìn đồng hồ. Kim đồng hồ nhích dần đến giờ phút lịch sử. Bỗng đồng chí dõng dạc hô to : Bán ! Đó là những quả đạn bắn vào Him Lam, trận chiến đấu mở màn cho chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử.

Him Lam dịch gọi là Bê-a-tơ-ri-xơ (Béatrice - tên một thiếu nữ) nằm ở phía đông bắc tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, cách Mường Thanh 2,5 km, được Na-va xây dựng thành một trung tâm phòng ngự kiên cố nhất. Him Lam thuộc phân khu trung tâm và án ngữ con đường từ Tuần Giáo đến Điện Biên Phủ, ngăn chặn hướng tấn công chính của quân ta vào ngoại vi Điện Biên Phủ.

Him Lam gồm có ba vị trí trên ba quả đồi có thể yểm hộ được cho nhau, có trận địa phòng ngự vững chắc với nhiều hỏa điểm lợi hại và cả một hệ thống bằng mìn kết hợp với hàng rào dây thép gai có nơi rộng đến 200 mét.

Trung tâm đề kháng Him Lam còn có mối liên quan rất mật thiết với trung tâm đề kháng Độc Lập và Bản Kéo. Ba vị trí này hình thành một khu vực vòng ngoài được hỏa lực rất mạnh của chúng ở Mường Thanh và Hồng Cúm yểm hộ.

Do vị trí đặc biệt quan trọng và nhiệm vụ nặng nề mà Him Lam phải đảm nhiệm như vậy nên tướng Na-va đã

bố trí tiểu đoàn 3 thuộc bán lữ đoàn lính Lê dương số 13 thiện chiến do tên quan tư Pê-gô chỉ huy, và một đại đội ngự Thái chiếm giữ.

Tiểu đoàn này đã từng tham chiến ở Li-bi trong đại chiến thế giới thứ hai. Nó là « một đơn vị thần thoại, chưa bao giờ bị thua trận nào » (Béc-na Phôn — Cuộc bao vây Điện Biên Phủ).

Na-va và Cô-nhi được báo cáo quân ta sẽ tấn công Him Lam vào đêm 13 tháng 3.

Thấy vậy, đề động viên binh sĩ và có những chỉ thị cần thiết, sáng 13 tháng 3 năm 1954, tướng Cô-nhi, chỉ huy quân Pháp tại Bắc Việt đã bay lên Điện Biên Phủ. Cô-nhi đã quan sát kiểm tra kỹ lưỡng, mãi đến trưa 13 tháng 3, y mới yên tâm bay về Hà Nội.

Trước khi Him Lam bị tấn công, từ Na-va, Cô-nhi đến Đờ Cát đều chủ quan, cho rằng « Điện Biên Phủ là pháo đài bất khả xâm phạm ». Đến nỗi ngày 7 tháng 3, Na-va định tăng cường cho Điện Biên Phủ thêm 3 tiểu đoàn, Đờ Cát quả quyết gạt đi:

« Thật vô ích ! Sẽ gay go, nhưng chúng tôi giữ được ((Lani-en — Thảm kịch Đông Dương).

Thậm chí Đờ Cát còn cho rải truyền đơn khiêu khích : « Còn đợi gì nữa mà không tấn công, nếu các người không phải là những kẻ hèn nhát ».

Cùng với Độc Lập, Him Lam được mệnh danh là « quả đấm sắt ». Với ý nghĩ ấy, tên thiếu úy Giắc-cơ, sĩ binh Pháp ta bắt được trước khi chiến dịch bắt đầu, đã khuyên ta khá « chân thành » :

« Các ngài đừng nên đụng đến Him Lam, vì Him Lam là một pháo đài bất khả xâm phạm, pháo đài này chính do một cố vấn Mỹ ở chiến trường Triều Tiên vẽ kiểu và

trực tiếp đôn đốc xây dựng. Ngay cả tướng Mỹ Ô Đa-ni-en và bộ trưởng quốc phòng Pháp Po-lê-ven cũng đến tận nơi kiểm tra».

Mặc dù vậy, sau khi cân nhắc kỹ, bộ chỉ huy chiến dịch chọn Him Lam làm trận đánh mở màn.

Chính trong trận chiến đấu này, biết bao bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã nở rộ. Phan Đình Giót là một trong những bông hoa tươi thắm nhất. Anh là con một gia đình nông dân nghèo, ở huyện Cẩm Xuyên Hà Tĩnh. Năm 1950, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang chuẩn bị bước sang giai đoạn tổng phản công, Giót tình nguyện vào bộ đội.

Một số đồng chí sống và chiến đấu cùng với Giót kể lại : Giót sống rất giàu tình cảm. Anh thường tâm sự với đồng đội rằng được trở thành « anh bộ đội Cụ Hồ » là một trong những điều hạnh phúc nhất của mình. Chính vì vậy ngay từ những ngày đầu nhập ngũ anh đã lao vào học tập, công tác, rèn luyện với một niềm say mê hiếm có. Anh đã nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được cấp trên giao cho. Đối với đồng đội, anh sống rất chân tình, gần gũi anh em, giàu lòng yêu thương. Mỗi khi trong tiểu đội có người đau yếu, anh lo lắng cơm cháo, thuốc thang. Tối đến, bao giờ anh cũng kiểm tra xem có ai chưa giặt màn, hay thò đầu hoặc tay ra ngoài màn. Anh lo từng giấc ngủ, bát canh cho anh em. Mỗi khi thấy đồng đội có khuyết điểm, anh nhẹ nhàng rủ đi chơi tỉ tê phân tích cái hay lẽ dở, làm cho anh em vừa cảm động lại nhanh chóng nhận ra lỗi lầm của mình. Cũng vì thế Phan Đình Giót được anh em trong đơn vị gọi là « anh cả ». Trong đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua lần thứ nhất của quân đội năm 1952, Phan Đình Giót là chiến sĩ thi đua và được gặp Bác Hồ kính yêu — Đó là hạnh phúc thứ hai của đời anh.

Phan Đình Giót có một nguyện vọng, có thể nói là nguyện vọng tha thiết là được trực tiếp cầm súng ra mặt trận chiến đấu tiêu diệt quân thù. Chả thế mà trong lần hành quân với chặng đường dài gần 500km lên Điện Biên Phủ, chân Giót bị nứt nẻ, nhiều vết sâu chạy dọc ngang dưới bàn chân, mỗi bước đi như có nhiều mũi kim đâm vào da thịt, buốt đến điếng người, anh vẫn giấu đồng đội để được đi chiến đấu. Có một lần ngồi nghỉ, chính trị viên đi thăm hỏi bộ đội, thấy Giót đang dùng kim khâu bàn chân nứt nẻ – Nhìn thấy bàn chân bầm tím, máu chảy rỉ ra, hai chân sưng tấy đến nỗi người phát sốt, đồng chí chính trị viên định để Giót ở lại tuyến sau. Nghe xong, mắt Giót rơm khóc, khản khoản xin đi bằng được!

Chân Giót đau là thế nhưng khi hành quân bao giờ anh cũng nhận mang đỡ các đồng chí yếu hơn mình.

Trong trận đánh Him Lam, tiểu đoàn 428 của anh được giao nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm 2 — Lúc này Phan Đình Giót đã là một tiểu đội trưởng tiểu đội bộc phá. Nhiệm vụ của tiểu đội anh là phải phá cửa mở cho bộ binh xung phong đánh chiếm mục tiêu. Theo kế hoạch đã thống nhất, Phan Đình Giót đánh quả bộc phá thứ chín Trên đường quay về, thấy chân Giót bị thương, chính trị viên đại đội lệnh cho anh về trạm quân y, nhưng thấy đồng chí đánh quả thứ mười bị thương lên chậm, anh giật lẩy bộc phá đánh luôn. Đồng chí đánh quả thứ mười một hy sinh, Giót lập tức thay thế. Chính sau quả thứ mười một này, 40 thước dây thép gai bị phá, bộ binh ào ạt xung phong, đồng thời cũng là lúc Giót ngã đi.

Lúc tỉnh dậy, thấy đồng đội đang bị chặn lại bởi một hỏa điểm đột nhiên xuất hiện, hỏa điểm địch tỏ ra rất lợi hại. Hai chiến sĩ đặt trung liên tìm cách dập tắt hỏa điểm nhưng bị địch bắn bị thương. Mấy chiến sĩ khác xông lên

thay thế nhưng súng bị đất vùi, không sử dụng được nữa. Tình hình lúc này thật căng thẳng. Hỏa điểm của địch chưa bị dập tắt, thì máu của đồng đội còn phải đổ. Cán bộ trung đội lại bị thương vong hết, tiểu đội trưởng Phan Đình Giót đã tự động đảm nhiệm vai trò chỉ huy trung đội. Các chiến sĩ vẫn thay nhau xông lên tìm cách diệt hỏa điểm nhưng đều bị hy sinh. Chính Giót đã đau lòng chứng kiến cảnh đó. Mất Giót nhìn chừng chừng vào hỏa điểm địch rồi anh ép người sát mặt đất, bò nhích lên từng tí thận trọng, gần đến lỗ châu mai, anh lao nhanh lên, rút quả lựu đạn cuối cùng ném vào nhưng địch vẫn bắn ra xối xả. Lúc này sau nhiều lần bị thương, lại chiến đấu liên tục, sức Giót giảm dần. Song không nản chí, anh lại trườn lên, trườn lên nữa. Đồng đội của Giót ở phía sau đang chăm chú theo dõi anh qua ánh lửa đạn, thấy anh quần quại, chắc anh lại bị thương. Đến sát lỗ châu mai về phía bên trái, lấy hết sức, Giót rướn người lên, kề khẩu tiểu liên vào lỗ châu mai, nghiêng răng nhả đạn, hết đạn, anh thay băng tiếp tục bắn. Nhưng khi xung kích xung phong lên thì hỏa điểm địch vẫn bắn ra ác liệt, lại một số chiến sĩ nữa ngã xuống. Mọi người thấy anh đứng lên ngồi xuống bên lỗ châu mai địch.

Giót có thể làm gì được khi còn cách địch cả một bức tường dày với hai bàn tay trắng, trong khi địch lại có đầy đủ vũ khí? Mất mọi người đều đổ dồn về anh theo dõi hồ hởi. Bỗng thấy anh rướn người lên, tay bám chắc vào những thân cây gỗ phía trên lỗ châu mai, xoay thật nhanh người lại, áp lồng ngực vào lỗ châu mai. Hỏa điểm địch phụt tắt.

Một tiếng hô vang lên:

Xung phong trả thù cho « anh cả ». Nhiều tiếng hô đồng thanh đáp lại.

Sau tiếng hô đó, các chiến sĩ xung phong diệt các Địch kháng cuối cùng. Tiểu đoàn 428 của Giót đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Phan Đình Giót người con của đất Hà Tĩnh kiên cường đã xứng đáng với lời thề trước cờ Đảng: Trọn đời chiến đấu cho lý tưởng của Đảng.

Ngày 2-9-1955, Phan Đình Giót được Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch truy tặng danh hiệu anh hùng quân đội và Huân chương Quân công hạng Ba.

TRẦN BÍCH VIỆT



Chiếc mũ của liệt sĩ Trần Can, anh hùng quân đội

CHIẾC MŨ CỦA NGƯỜI ANH HÙNG

Trong hơn một trăm năm mươi hiện vật gốc khối và gốc chữ của sưu tập «chiến dịch Điện Biên Phủ» thuộc viện Bảo tàng Quân đội, có một hiện vật quý hiếm, đó là chiếc mũ nan của liệt sĩ Trần Can — anh hùng quân đội.

Mũ có hai phần : cốt và tán. Cốt mũ có chu vi từ năm mươi tám xăng-ti-mét. Tán mũ có chu vi bảy mươi sáu xăng-ti-mét. Nan mũ bằng tre vót trau chuốt, rộng ba mi-li-mét, dài sáu mươi xăng-ti-mét. Nan mũ đã ngả màu cánh gián vì nhuộm mưa nắng, khói bom đạn và mồ hôi. Mũ đan theo kiểu lóng một như đan rá nhưng các ô thưa hơn. Nhờ các ô ấy mà hơi nước, mồ hôi thoát ra dễ dàng. Cốt mũ và vành mũ được lợp một lần vải bông màu xanh lá cây đã bạc màu. Quai mũ buộc bằng ni lông màu nâu, nhẵn bóng và giòn, đoạn tiếp xúc hai má và cằm Trần Can. Chiếc mũ gọn, nhẹ thích hợp với khả năng trang bị của quân đội ta lúc đó và thích hợp với khí hậu nhiệt đới đã bao lần hành quân, bao lần xông vào đồn giặc và chúng kiến phút cuối cùng Trần Can ngã xuống ở chiến hào Điện Biên Phủ.

Lịch sử ra đời của chiếc mũ nan gắn liền với từng bước phát triển của ngành quân trang, quân đội.

Năm 1947, nền kinh tế kháng chiến non trẻ của ta hầu như chưa có gì, lại bị địch tàn phá và phong tỏa. Việc cấp phát cho bộ đội không thực hiện được đều đặn. Ăn và mặc chủ yếu dựa vào nhân dân, đồng thời bộ đội tự

túc một phần. Chiếc mũ nan và một số trang bị khác như ba lô «nóp», dép cao su, bi đông tre... của chiến sĩ ta ra đời trong hoàn cảnh đó. Sắn tre, nứa, giang, vầu của căn cứ địa Việt Bắc và vùng tự do Bắc khu Bốn, các chiến sĩ ở vùng quê có nghề đan tre nứa cỏ truyền đã may mò «sản xuất» ra chiếc mũ nan đầu tiên. Rồi chiếc mũ xuất hiện khắp nơi cùng chia ngọt sẻ bùi với «bộ đội Cụ Hồ». Lúc đầu, các chiến sĩ lợp mũ bằng lá rừng hoặc vải bông cắt ra từ quần áo cũ. Dần dần, phía trên lớp vải xuất hiện một vành lưới để cài lá ngụy trang. Đến cuối thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, cùng với nhiều trang bị khác, vải mũ được cấp phát. Lưới ngụy trang ít sử dụng lá cây mà phần lớn là cài những miếng vải dù hoa thêu lợi phẩm... Chiếc mũ nan là «em» của những chiếc mũ «phớt», bê rê, ca-lô của các chiến sĩ Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, cứu quốc quân và học viên trường võ bị Trần Quốc Tuấn. Nó là «anh» của những chiếc mũ «tai bèo», mũ «mềm» (mũ vải), mũ «cứng» (mũ cối) hiện nay...

Bước vào mùa chiến đấu Đông xuân 1953 — 54, Trần Can khâu thêm một miếng vải lên chỗ rách của chiếc mũ thân thuộc đã bạc màu.

Ngày lên đường đã tới, tạm biệt rừng cọ đồi chè Phú Thọ, Can và đồng đội lại kín đáo vượt sông Hồng sang Tây Bắc vào một đêm trăng mờ giá rét giữa tháng mười hai. Đạo này năm ngoái Can và đồng đội đã vừa chạy vừa đuổi đánh địch bốn ngày đêm liền ở Nghĩa Lộ, tả ngạn sông Đà, sau đó vượt sông sang đất Sơn La trong giá lạnh của dòng nước và gió bắc ào ào. Can đã quen cái rét của Việt Bắc, Tây Bắc hơn hai năm nay, từ ngày Can tạm biệt đồng đất Yên Thành (Nghệ An) quê hương. Qua sông rồi, Can và đồng đội lại tiếp tục hành quân hơn một ngày đêm vượt những

núi cao của cao nguyên Châu Mộc để đến tiêu diệt đồn Bản Hoa, nơi có gần một tiểu đoàn quân Ma-rốc của Pháp chiếm giữ.

Mùa chiến đấu này, Trần Can được bầu chiến sĩ thi đua, trở thành người đảng viên cộng sản hai mươi một tuổi và đã là một tiểu đội trưởng. Đôi chân của Can và đồng đội lại đi trên con đường quen thuộc: đèo Lũng Lô, đèo Pha Din. Mười lăm ngày đêm không nghỉ, Can và đồng đội đã vượt hơn năm trăm ki-lô-mét tới phía đông thung lũng Điện Biên Phủ để bắt tay ngay vào một công việc nặng nhọc, thầm lặng: kéo pháo — chuẩn bị cho chiến dịch «Trần Đình».⁽¹⁾

Những ngày mưa liên tiếp. Những đêm tối mịt mùng. Chiếc mũ nan lợp vải và chiếc áo trấn thủ của Can khô rồi lại ướt, ướt rồi lại khô do bao lần mưa thấm vì đồ mồ hôi — Những chiếc nan tre được ngâm tẩm trong một «dung dịch» đặc biệt là mồ hôi làm cho nó thêm bền chắc. Sau chín ngày đêm, Can và đồng đội đã đưa nẩy chục khẩu pháo một trăm linh năm mi-li-mét và pháo phòng không ba mươi bảy mi-li-mét vào vị trí qui định. Lại có lệnh kéo pháo ra ngay vì phương châm «đánh chắc tiến chắc». Kéo vào đã vất vả, kéo ra càng vất vả hơn. Đôi vai bầm tím, đôi bàn tay rộp phồng, đôi mắt thâm quầng của Can và đồng đội lại căng thẳng vì nu, kéo những khẩu pháo nặng hơn hai tấn trên núi. Mặc dù vậy, những khẩu pháo đã chuyển dịch gần được nửa đường.

Buổi chiều ngày thứ năm, gió bắc thổi mạnh, nồm hanh. Can và đồng đội chợp mắt trong công sự sau đêm thiếu ngủ. Những khẩu pháo của đơn vị Can đã ngụy trang, nằm ở chân dốc. Bỗng máy bay địch gầm rít rồi từng tràng bom nổ. «Bom cháy»! — có tiếng thét lên.

(1) Bí danh của chiến dịch Điện Biên Phủ.

Như những chiếc lò xo, tất cả bật dậy, ra khỏi công sự. Lửa cháy rừng rực trên đồi cỏ gianh. Theo chiều gió, lửa tấp xuống đường, bén vào những khẩu pháo. Mặc bom nổ, không kịp chụp chiếc mũ nan lên đầu, cứ thế, Can dẫn tiểu đội lao vút đến bãi pháo như những mũi tên — Can xông vào túm lấy dây kéo pháo đã bén lửa. Đồng đội cũng đã đến. Can hô: «Hai, ba»! Năm mươi người lôi khẩu pháo ra khỏi đám lửa — Sau gần hai giờ vật lộn với bom đạn, khói lửa, đơn vị Can cứu được năm khẩu pháo — Cũng hay là chiếc mũ Can để bên ngoài, nếu không ngọn lửa đã làm cho nham nhở.

Gần hai tháng rưỡi chuẩn bị mọi mặt kết thúc, giờ nổ súng của chiến dịch «Trần Đình» đã tới. Đơn vị Can là đơn vị vinh dự được tấn công mở màn vào trung tâm đề kháng mạnh nhất của địch: Him Lam. Tín hiệu đỏ vút lên: lệnh xung phong. Can và các chiến sĩ nhảy khỏi chiến hào, lao vào đồn giặc. Đến sát lô cốt tiền duyên, Can chỉ huy một tổ diệt lô cốt rồi tiến vào lô cốt bên trong. Súng máy địch quét sát mặt đất. Can phân công một tổ vòng ra phía sau ném thủ pháo kết hợp với nghị binh phía trước. Bị một loạt thủ pháo, hỏa điểm câm đi. Chớp thời cơ, Can nhảy lên khỏi giao thông hào, cầm cờ «Quyết chiến, quyết thắng» của Bác Hồ lên nóc lô cốt cố thủ của địch ở cứ điểm ba — Đó là lá cờ đầu tiên quân ta cắm trên đồn giặc tại chiến trường Điện Biên Phủ — Trong chớp mắt, cờ «Quyết chiến, quyết thắng» giục gã các đơn vị diệt địch. Can và các chiến sĩ xộc vào lô cốt địch cố thủ, đánh chiếm hết các ngách, bắt tên quan ba chỉ huy. Đại đội Lê dương thứ mười một tinh nhuệ của địch bị đơn vị Can diệt gọn mà Can là người lập công đầu. Hơn sáu giờ, trung tâm đề kháng Him Lam — «cánh cửa thép» che chở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và tiểu đoàn ba của bán lữ đoàn Lê dương thứ mười ba — con cưng của quân đội Pháp bị đại đoàn của Can tiêu diệt.

Sau đợt một của chiến dịch, Can được đề bạt làm trung đội trưởng và Thi — người bạn chiến đấu ở Bầm Hoa làm trung đội phó. Can bắt tay vào nhiệm vụ chỉ huy trung đội đào giao thông hào, xây dựng trận địa tiến công. Trong đợt hai của chiến dịch, trung đoàn Can đã nhanh chóng tiêu diệt cao điểm D1, D2 đẩy lùi hàng chục đợt bộ binh địch phản kích có xe tăng yểm hộ, và trụ vững ở đó. Đã không ít đồng đội của Can trúng đạn địch cùng với chiếc xẻng ở đầu nút các nhánh hào. Đó đây, những chiếc mũ nan bị thủng rách để lại. Còn Can chiếc mũ nan vẫn trên đầu.

Ngày mười một tháng tư năm 1954, theo lệnh của bộ chỉ huy chiến lược toàn đoàn Can được giao nhiệm vụ phối thuộc với đơn vị bạn phòng ngự cao điểm C1.

Địch lại tới. Can hô: « Ném! » Một đòn ác liệt bằng lựu đạn giáng vào đầu địch. Chúng khiếp đảm tháo chạy.

Địch lại lên. Chờ chúng đến thật gần. Theo lệnh Can, hàng chùm lựu đạn quảng vào giữa đội hình địch.

Chiếc mũ nan bạc màu đầy đất, khói, hơi thuốc đạn vẫn bám chắc trên đầu Can, nhấp nhô ẩn hiện. Nó vẫn ở hàng đầu của những chiếc mũ còn lại ở chiến hào nóng bỏng. Trời hửng sáng. Lực lượng của đại đội tới. Dưới gao thông hào, các chiến sĩ kể với nhau về cuộc chiến đấu đêm qua. Kênh là người nói to hơn cả: Can là bức tường đồng.

Sau hơn một tháng « máu trộn bùn non », bộ đội ta ở Điện Biên Phủ vừa khắc phục những trận mưa đầu mùa để hoàn chỉnh hệ thống giao thông hào tiến công và bao vây, vừa đánh địch quyết liệt, diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của chúng, giữ vững các vị trí để đánh chiếm và tiến sát vào trung tâm Mường Thanh.

Đợt chiến đấu cuối cùng.

Đêm một tháng năm, đại đoàn của Can đánh chiếm các vị trí 505, 505A dưới chân đồi D2, sát đường bốn mét, sáng ngày sáu tháng năm đánh chiếm vị trí 506. Trong khi đó,

ở vị trí 507, trời sáng rõ mà cửa đột phá chưa mở được. Vấp phải hàng rào bùng nhùng, đại đội bạn bị ùn lại. Có lệnh đại đội Can lên thay. Phải mở cho được cửa đột phá! Trung đội trưởng Trần Can dẫn đầu tổ bộc phá lên đánh. Hàng rào vẫn trơ ra. Chẳng nhẽ bó tay? Không thể chần chừ, Can nghĩ tới việc dùng chặn và thực hiện luôn. Tuất trái hai cái chặn và hai cái bịt lên hàng rào. Can lấp bằng trung liên và chỉ mục tiêu cho Đoa bắn yểm hộ. Nhưng các chiến sĩ xung kích vẫn không vào được vì người nhô cao.

Trung đoàn trưởng quyết định mở cửa hướng khác. Đường tiến mới được mở ra. Xung kích tiến lên. Một trận mưa lựu đạn của địch cản lại. Tiếng thủ pháo chưa dứt, bóng Can với chiếc mũ nan bạc màu dẫn đầu tổ xung kích lao lên, theo sau là Tuất. Đến giữa đường mở, tay phải Can trúng đạn. Tuất bị thương ở vai. Hai chiến sĩ phía sau hy sinh.

Can, Tuất quay lại ôm theo hai tử sĩ. Cùng lúc đó, có lệnh: «Đại đội trưởng và chính trị viên đã bị thương, trung đội trưởng Trần Can chỉ huy đại đội». Vết đạn đau nhói nhưng Can thấy trách nhiệm thật nặng nề. Can tổ chức lại đội ngũ, củng cố trận địa phòng ngự. Thấy quân ta im lặng, địch tưởng đối phương không còn sức chiến đấu, có thể chiếm lại vị trí. Chúng reo hò, ủa ra — Lập tức Can chỉ huy đại đội sử dụng lựu đạn, thủ pháo diệt gọn tổ địch đó. Mặt trời đã đứng bóng. Trận địa vẫn giữ vững — Cánh tay phải Can lại thêm một vết thương nữa. Can dùng tay trái ném lựu đạn và chỉ huy chiến đấu. Xế trưa, pháo địch từ Hồng Cúm bắn dồn dập. Một quả đạn rơi bên cạnh, mảnh đạn bắn vào, thân mình Can đầm đìa máu. Cam gục xuống, chiếc mũ nan rơi ra.

Đầu Can như rộng ra và như có ai níu xuống. Quảng đời miền thiếu cay cực đi ở cho địa chủ thoáng hiện ra. Mùa thu năm 1945, khi Can vừa mười bốn tuổi, quê hương

đất nước đời đời: lần đầu tiên Can nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh. Can được gặp các chú « Vệ quốc đoàn ». Can lớn lên khi nào không biết và trở thành bộ đội Cụ Hồ khi hai mươi mốt tuổi. Sau cuộc thử lửa đầu tiên ở Bản Hoa, Can trở thành một « cựu binh », một người công sản. Can « đi » từ Bản Hoa đến Him Lam, Cl, 507 ; lần lượt là một tiểu đội trưởng, trung đội trưởng rồi đại đội trưởng. Bóng hình người mẹ kính yêu, hội trưởng « hội mẹ chiến sĩ », đã suốt đời tần tảo, sau « phát động quần chúng » đã được chia ruộng, được học và tự tay viết thư cho Can — Hình ảnh Bông, người bạn gái thâm thương, cùng chăn trâu cắt cỏ thuở bé, vụt lớn thành một thôn nữ mà Can thâm yêu, trộm nhớ. Đại đội trưởng, chính trị viên, trung đội phó Thi, tiểu đội trưởng Đạm và bao nhiêu đồng đội đã ngã xuống, nhìn Can... Nhưng Can thở hắt ra và con tim ngừng đập khi bước vào tuổi hai mươi ba.

Can ngã xuống khi đại đội của mình chỉ còn cách cửa hầm tên tướng chỉ huy Đơ Ca-stơ-ri ba trăm mét. Can không vào được hầm tên tướng giặc, nhưng các chiến sĩ của đại đội Can và đại đội 360 dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Tạ Quốc Luật đã bắt toàn bộ bộ chỉ huy địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Tuất ôm lấy người đại đội trưởng thân thương của mình như không muốn rời ra. Tuất nhặt lên và không rời chiếc mũ mà Can đã vót từng chiếc nan, nắn nót tự tay khi bước vào quân ngũ, chiếc mũ đã thấm mồ hôi, máu và cùng Can qua bao gian nan của những năm tháng chiến đấu...

Can không còn, nhưng chiếc mũ nan tre lợp vải mang số 1152 T 120 tại viện bảo tàng quân đội vẫn như một số quân của đội quân trùng điệp. Chiếc mũ hiện thân của ý chí và hành động anh hùng mãi mãi có mặt trong hàng ngũ tuổi trẻ, trong cuộc chiến đấu mới hôm nay và ngày mai.

Ngày 16 tháng 11 năm 1983

HOÀNG LÂM



Pháo 155 ly chiến lợi phẩm

CÂU CHUYỆN BẮT ĐẦU TỪ KHÀU PHÁO CHIẾN LỢI PHẠM

Ở góc vườn của Viện bảo tàng Quân đội, bên chân cột cờ, có một bãi pháo chiến lợi phẩm. Sơn pháo 75 ly, lựu pháo 105 ly và hai khẩu pháo 155 ly do Mỹ sản xuất.

Qua khẩu pháo chiến lợi phẩm 155 ly, tôi xin kể một vài mẩu chuyện có liên quan đến đời sống hiện vật của bảo tàng này.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, địch bố trí một lực lượng pháo binh rất mạnh với những pháo thủ có truyền thống lâu đời. Đặc biệt các chỉ huy pháo binh Pháp đều có nhiều kinh nghiệm. Từ thời Na-pô-lê-ông, người Pháp và người Nga thường tự hào về trình độ khoa học của các pháo thủ của họ.

Trong đại chiến lần thứ nhất 1914 — 1918, loại pháo 75 ly Pháp, không những vượt lên trên pháo 75 ly Đức, mà đã trở thành quy chế trang bị của lực lượng quân Mỹ.

Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, một số lớn các chỉ huy chiến trường vốn là pháo thủ nhà nghề, tướng Cô-nhi chẳng hạn. Phó tư lệnh tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ cũng là một pháo thủ rất kiêu ngạo — Sác Pi-rốt, đã chiến đấu ở Ý năm 1943, mất cánh tay trái sang Đông Dương làm chỉ huy trưởng tập đoàn pháo binh Bắc Phi số 69. Pi-rốt được điều lên Điện Biên Phủ ngày 7-12-1953 trước khi các đơn vị đầu tiên của pháo binh được đưa đến chiến trường này. Đơn vị pháo binh cổ

xưởng Điện Biên Phủ đầu tiên là tiểu đoàn 3 của trung đoàn pháo binh thuộc địa thứ 10, trang bị pháo 105 ly HM 1 của Mỹ do tiểu đoàn trưởng A-lin chỉ huy, tiểu đoàn 3/10 Rac là đơn vị pháo binh thuộc ban lữ đoàn lê dương thứ 13 (13=DBLE). Đơn vị bán lữ đoàn lê dương cơ giới này còn có hai tiểu đoàn bộ binh đóng ở Him Lam và cụm tây nam khu trung tâm Co-lô-di-nơ (Claudine). Theo sự đánh giá của người Pháp, các đơn vị đưa đến Điện Biên Phủ thuộc bán lữ đoàn lê dương mang cờ hiệu Bia Ha-ka-in (Bir Hakeim) — Một đơn vị thần thoại chưa bao giờ thua trận, ngay cả trong những ngày đen tối nhất của đại chiến thế giới lần thứ hai. Họ thuộc lực lượng tự do Pháp, chiến đấu phối hợp với quân đoàn 8 của Anh tại mặt trận Ly-bi, tại đó nó có nhiệm vụ chặn mũi tiến công của «quân đoàn châu Phi» do thống chế Rôm mên của Đức phát xít chỉ huy, đang truy kích quân đội Anh rút lui... Nó bị bao vây tại địa điểm Bia Ha-ka-in nhưng không chịu đầu hàng, kéo dài thời gian chiến đấu để cho quân đội Anh phản công và chọc thủng vòng vây của địch. Pháp đã đưa đến Điện Biên Phủ những đơn vị bộ binh và pháo binh có chất lượng cao và bề dày lịch sử chiến đấu như thế đó.

Từ ngày 26 đến 29 tháng 12, địch tăng viện cho Điện Biên Phủ một tiểu đoàn pháo binh 105 B thuộc trung đoàn pháo binh thứ 4 (4Rac), một trung đoàn pháo binh kỳ cựu nhất của Pháp ở châu Á. Lá cờ của đơn vị rách nát vì những mảnh đạn in đậm các chiến dịch xâm lược thuộc địa : Eắc bộ từ 1883—1885, Sơn Tây, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Tuyên Quang và cuộc xâm lược Trung Quốc năm 1900 : Thiên Tân, Bắc Bình...

Trong cuộc đảo chính của Nhật 9-3-1945, một số chạy sang Trung Quốc. Năm 1951 được bổ sung thêm một tiểu đoàn trang bị bằng pháo 155 HM2 của Mỹ do lính Ma-rốc điều khiển. Khẩu pháo 155 ly ta thu được ở Điện Biên Phủ

thuộc đơn vị pháo binh kỳ cựu này, hiện ở ở Viện bảo tàng Quân^đ đội. Pi-rốt đã thành lập sẵn các kế hoạch tác chiến, nhằm phá hủy pháo binh của ta khi xuất hiện, mà hần thường khoe khoang rất chủ quan với các nhân vật cao cấp Pháp, Mỹ đến Điện Biên Phủ. Định bố trí ở Điện Biên Phủ một lực lượng pháo binh rất lớn gồm hai tiểu đoàn pháo 105 ly (24 khẩu), một đại đội pháo 155 ly (4 khẩu) và hai đại đội súng cối 120 ly (20 khẩu). Ngoài ra còn 10 xe tăng chagge của Mỹ trang bị pháo 75 ly làm hỏa lực di động. Mỗi cụm cứ điểm còn có ĐKZ và cối với số lượng rất lớn. Vì vậy tướng Pác-nác-ki-i-ni, thanh tra pháo binh quân Pháp báo cáo rằng: «Đại tá Đơ Ca-stơ-ri đánh giá không cần thiết tăng thêm pháo binh cho Điện Biên Phủ hiện nay».

Với một lực lượng pháo binh, xe tăng, máy bay và bộ binh rất mạnh, địch cho rằng «Điện Biên Phủ – Véc-đong⁽¹⁾ thứ hai ở Viễn Đông» trong tác phẩm «kết thúc của những ảo tưởng» (Pari 1954) Rô-be Ghi-lanh đã viết: ngay cả trong chiến tranh thứ hai, quân đội Pháp chưa bao giờ dựng lên một hệ thống phòng ngự đã chiến mạnh như Điện Biên Phủ. Và chính Na-va cũng ghi lại: Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, một cứ điểm mạnh nhất từ trước đến nay chưa từng có ở Đông Dương. «Đông Dương hấp hối» (Agonie de l'Indochine—P. Plon 1958).

Vì coi Điện Biên Phủ là pháo đài phòng ngự bất khả xâm phạm, Đơ Ca-stơ-ri đã dùng máy bay rải truyền đơn và phát đi bằng vô tuyến điện những lời thách thức và khiêu khích quân đội ta: «Chúng tôi chờ đợi các người! Các người còn đợi gì mà không tiến công, nếu các người không phải là những kẻ hèn nhát!»

(1) Pháo đài Véc-đong của Pháp đã đứng vững trước mọi cuộc tấn công của quân Đức trong đại chiến thế giới lần thứ nhất.

Vào khoảng trưa 13-3, Cô-nhi bắt tay Đơ Ca-sơ-ri để lên máy bay về Hà Nội. Từ trên cao, hán nhìn thấy hàng loạt điểm khói đạn pháo ta nổ ở sân bay và vòng chung quanh.

Trong sở trực ban của viên sĩ quan thuộc ban 3 của địch đã ghi:

— Tr sáng 13-3, pháo binh của Việt Minh đã phá hủy tại chỗ một Đa-cô-ta ở sân bay chính và chiếc thứ hai ở sân bay phụ gần Hồng Cúm, lúc 8h30 lại một chiếc vận tải Cuéc-tít Cô-măng-đô CH6 bị trúng đạn khi sắp cất cánh. Vào lúc gần 11 giờ lại một Đa-cô-ta bị phá hủy cùng với một khu trục Bia-cat trúng đạn. Pháo của tập đoàn cứ điểm bắn trả dữ dội, nhưng không đạt kết quả. Trong khi đó 6 chiếc Moran, một trực thăng và 6 khu trục đánh chìm chết gí trong hầm bảo vệ vì không kịp cất cánh».

Trận đánh mở màn của quân đội nhân dân Việt Nam bằng pháo binh vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bắt đầu.

17 giờ (13-3), Đại tá Đờ Cát vừa nhận được tin tổng tư lệnh Nà-wa tiếp tục chiến dịch Ất-lăng đợt 2, đổ bộ lên Quy Nhơn (12-3). Ông ta ngồi trước bàn làm việc, chuẩn bị gọi vô tuyến điện thoại cho Cô-nhi. Phóng viên nhiếp ảnh Đa-nhi-en Ca-muyt còn thấy ông ta lúc ấy ăn mặc rất cầu kỳ và lịch sự như vừa ra khỏi một cuộc dạ hội. Phòng bên cạnh, tiếng cười và giọng nói gần quen thuộc của cô thư ký Pôn Buốc lạnh lạnh bay sang.

Nhưng 17 giờ, bỗng từ các phía đạn pháo ta bay vút vào các vị trí của tập đoàn cứ điểm và nhất là Him Lam, gây nên những tiếng rít và tiếng nổ rền vang như những loạt sấm sét xé tan bầu trời Điện Biên Phủ. Tất cả rung lên như một trận động đất, và một trận mưa đất phủ kín các hầm hào. Những viên đạn pháo bắn rất chính xác của ta phút chốc phá tan nhiều hầm địch. Tất cả ánh sáng đều tắt ngấm.

18 giờ 30 (13-3) : Một đợt pháo bắn trúng hầm chỉ huy cứ điểm Him Lam, giết chết tại chỗ thiếu tá Pê-gô, đại úy Pác-đi và trung úy Lan-giê. Trung tá Giô-sê, chỉ huy trưởng khu trung tâm Bắc, bằng mọi cách đang tìm người thay thế Pê-gô, thì một loạt đạn khác làm nổ tung chỉ huy sở. Giô-sê chết cùng hai sĩ quan phụ tá. Tiểu đoàn trưởng Mác-ti-nen-xi bị thương nặng. 2 giờ 25 đêm hôm đó, tướng Cô-nhi ở Hà Nội nhận được tin « Không bắt được liên lạc với Bê-a-tơ-ri-xơ Him Lam từ 0 giờ 15 ». (Y. Hoa viết tay trong trận Điện Biên Phủ).

Trung tâm đề kháng được phòng ngự rất kiên cố, Him Lam (Bê-a-tơ-ri-xơ) thuộc phân khu phía Bắc của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt quá nhanh chóng làm chấn động dư luận.

Các phóng viên mặt trận phương Tây tả trộm cảnh đó như sau : « Cuộc tấn công thật là mãnh liệt, nhất là pháo binh của Việt Minh đã làm cho mọi người choáng váng. Người ta không thể ngờ được rằng những binh sĩ Lê dương thiện chiến thuộc bán lũ đoàn mang cờ hiệu « Bia Ha-ka-in » đã bị tiêu diệt nhanh chóng như vậy »

Sau trận chiến thắng Him Lam, pháo binh phối hợp rất nhịp nhàng với bộ binh diệt cứ điểm Độc Lập. Ngày 16-3, Đơ Ca-stơ-ri điện khẩn cấp về Hà Nội yêu cầu tăng viện trước hết là pháo 105 ly vì 2 khẩu đã bị phá hủy, và một số bị hỏng. Một nửa số lượng cỡ 120 ly bị phá hủy hoàn toàn trong 48 giờ.

G. Pugrê, tên chỉ huy đồi A1 vốn là sĩ quan cận vệ của Na-va đã viết trong « Chúng tôi đã ở Điện Biên Phủ » như sau : « Him Lam và Độc Lập bị tiêu diệt nhanh chóng, sau đó Bản Kéo cũng mất nốt. Tinh thần tập đoàn cứ điểm suy sút ghê gớm ».

Những tiếng sét pháo binh ta đã gây cho địch nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Tư lệnh Cô-nhi ở Hà Nội, tổng tư lệnh Na-va ở Sài Gòn cũng như thủ tướng chính phủ La-ni-en ở Pháp, viết trong thăm kịch Đông Dương: «Sự dữ dội bất ngờ của hỏa lực pháo binh đối phương làm cho các đơn vị chúng ta kinh hãi». Hạ sĩ Ku-bi-ắc và tạp chí Képi tháng 10-1962 đã ghi lại «Trận pháo kích dữ dội đến nỗi người ta tưởng như ngày tận thế đã đến và tưởng chừng như cứ điểm Him Lam bị bay đi như làn bụi. Quanh tôi, đất đá bị cày tung lên, đây đó, những người bị thương và nằm chết la liệt. Tất cả đều kinh ngạc và tự hỏi, không biết Việt Minh⁽¹⁾ lấy ở đâu ra nhiều pháo đến thế, và nhất là họ làm sao đưa pháo bằng cách nào lên tận lưng chừng các mỏm núi cao này. Pháo hạng nặng liên tục rơi xuống cứ điểm. Hết lô cốt này đến lô cốt khác lần lượt bị băm nát, vùi theo người và vũ khí. Người ta còn nhớ ngày 17-12-1953 tổng tư lệnh Na-va, tướng Cô-nhi và tướng Lô-danh lên kiểm tra Điện Biên Phủ. Viên trung tá pháo binh đã vô cùng chú quan báo cáo rằng: «Thưa đại tướng, không một khẩu pháo nào của Việt Minh bắn nổi ba phát mà không bị tôi phá hủy». Thái độ huênh hoang đó được lặp lại vào ngày 26-1-1954, khi bộ trưởng Mác Giắc-kê lên Điện Biên Phủ. Giắc-kê rất hài lòng khi nghe Pi-rốt trình bày kế hoạch phản pháo. Nhưng sau những đòn đánh nặng nề của pháo binh ta giáng xuống Điện Biên Phủ, Pi-rốt tự cảm thấy bất lực và xấu hổ vì đã quá khoắc lác nên hắn đã tự sát bằng lựu đạn.

Sợ binh lính mất tinh thần, Đơ Ca-stơ-ri vội cho vùi xác Pi-rốt ngay trong góc hầm. Sự tự sát của Pi-rốt là điều khẳng định đánh thép về kỹ thuật pháo binh Việt

(1) Eịch gọi quân đội Việt Nam lúc đó là Việt Minh, thường hay viết tắt là VM.

Nam. Lịch sử pháo binh Pháp chưa hề được chứng kiến hiện tượng tương tự là một sĩ quan chỉ huy pháo binh sau thất bại nặng nề phải tự sát trong khi chiến trận đang tiếp diễn dữ dội.

Hỏa lực mạnh mẽ của pháo binh ta vẫn là điều hết sức bất ngờ đối với các chính khách và tướng tá Pháp và Mỹ, nhưng điều bất ngờ đó lại nằm trong một bất ngờ lớn hơn, có tính chất chiến lược mà quan niệm khoa học tư sản khó tránh khỏi. Ký giả Hăng-ri Giô-nơ nhận xét :

« Điều đáng kinh ngạc hơn cả không phải là Việt Minh có các loại pháo lớn, vì bộ chỉ huy Pháp đã biết việc đó từ một năm trước rồi. Đáng kinh ngạc hơn cả là ở chỗ làm thế nào Việt Minh lại đưa được một khối lượng lớn pháo binh hạng nặng và tiếp tục duy trì được việc tiếp đạn vào tận Điện Biên Phủ, qua núi cao, rừng rậm, chẳng có đường sá gì cả (GH Giô-nơ — Từ Véc-đông đến Điện Biên Phủ).

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã bị bóc đi một lớp vỏ cứng. Bộ đội bước vào đợt hai chiến dịch. Từ trên các triền núi cao, các chiến hào của ta đổ xuống cánh đồng Mường Thanh bao vây khu trung tâm với phần khu Nam. Pháo binh ta tích cực khống chế sân bay. Từ ngày 27-3 trở đi, không một máy bay nào hạ cánh được xuống Điện Biên Phủ. Pháo binh địch bị thất bại nặng nề, được bổ sung đến ngày 30-3-1954, còn 21 khẩu 105 ly, 3 khẩu 155 ly và 23 khẩu cối 120 ly. Toàn mặt trận Điện Biên Phủ mở một đợt tấn công nhằm tiêu diệt các cao điểm E, D1, D2, C1, C2, A1, thắt chặt vòng vây lại và đi đến triệt nguồn tiếp tế của địch. Để kiểm chế lực lượng địch ở khu trung tâm và diệt trận địa pháo 210 dưới chân đồi phía đông, ta dùng lực lượng nhỏ thọc sâu chia lửa với cuộc tấn công.

* Nói đến đồi E, người ta không thể không nói đến cuộc chiến đấu vô cùng anh dũng của đại đội sơn pháo 75,

suốt hơn hai mươi ngày đêm mặt đối mặt, pháo đối pháo, lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, đấu trí với giặc từng trận và ngay cả việc ta bắn một viên đạn thì địch bắn mười.

... Pháo bắn xong phải di chuyển sang trận địa khác trên một địa bàn ngang dọc mỗi chiều không quá 120 mét. Mỗi ngày đồi E chịu đựng hàng chục lần oanh tạc của máy bay và pháo binh địch. Nhưng cũng chính trên mảnh đất tưởng không một sự sống nào có thể tồn tại được, đơn vị pháo 755 đã diệt một xe tăng và phá hỏng một chiếc khác, bắn tan hàng chục lô cốt địch. Đại đội pháo 755 có hai khẩu đội 1 và 2. Phùng Văn Khầu, anh hùng pháo binh lúc ấy khẩu đội trưởng khẩu đội 1. Ngày 23-4 bốn khẩu pháo 105 ly của địch đang nhắm đạn về phía sân bay, bỗng xoay nòng lên đồi E, và cùng một lúc pháo địch ở Mường Thanh, Hồng Cúm thi nhau bắn về đồi E. Các pháo thủ 755 sẵn sàng có cách xử trí kịp thời với tình huống này. Phùng Văn Khầu chỉ kịp lui vào ngách hầm, đất trên nóc hầm pháo tuôn xuống như mưa và hầm rung chuyển mạnh. Giữa lúc khói lửa mịt mù, chính trị viên đại đội báo cho Khầu biết: «Khẩu đội hai thương vong gần hết, pháo hoàn toàn bị hỏng, đại đội trưởng bị thương» Những pháo thủ ở lứa tuổi 20 của khẩu đội 1 thuộc đại đội pháo 755 dưới sự chỉ huy anh dũng và mưu trí tuyệt vời của khẩu đội trưởng trẻ tuổi.

Phùng Văn Khầu đã nổ súng liên tiếp diệt 4 khẩu pháo 105 ly của địch... Đây là trận đánh thông minh, xuất sắc nhất của pháo binh ta diệt pháo địch ở Điện Biên Phủ.

Vòng vây ngày càng khép chặt, pháo binh địch thiếu đạn nghiêm trọng. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, theo tài liệu địch, chúng đã bắn 131.500 quả đạn pháo 105 ly và 155 ly.... Và cũng ở giai đoạn này, đạn pháo 105 ly được

chở bằng máy bay địch từ Hà Nội lên. Có những ngày ta thu được 400 viên. Đây cũng là nguồn cung cấp đạn cho pháo binh ta rất quan trọng.

Tình hình tiếp tế cho Điện Biên Phủ khó khăn đến nỗi Cô-nhi phải điện cho Na-va :

« Tình hình lương thực và trang bị vũ khí cực kỳ nghiêm trọng ». Đor Ca-stơ-ri điện cho Cô-nhi :

« Ngày 1-5, Điện Biên Phủ chỉ còn 275 viên đạn 155 ly, 14000 đạn 105 ly và 5000 đạn cối 120 ly. Yêu cầu tiếp tế gấp ».

(Điện tín TO không số, trao đổi giữa Cô-nhi và Đor Ca-stơ-ri).

Theo lời khai của tướng Đor Ca-stơ-ri pháo binh của chúng vào giai đoạn cuối đã mất 2/3.

Lệnh tổng công kích của đại tướng tổng tư lệnh, bằng ngôn ngữ quân sự chính xác, ngắn gọn, phát đi từ chỉ huy sở Mường Phăng, như luồng gió mới thổi bùng ngọn lửa chiến đấu, khắp các đơn vị đều hướng mũi súng quyết chiến quyết thắng vào khu trung tâm của địch ở Mường Thanh.

Hồ sơ lưu trữ của Viện bảo tàng Quân đội ghi lời kể của đồng chí thiếu tá Hoàng Đăng Vinh :

« Vào khoảng hai giờ chiều ngày 7-5-1953, trung đội tôi như mũi dao nhọn cắt địch ra làm đôi ở vị trí 507 để đánh. Trong 15 phút, vị trí địch bị diệt. Thừa thắng, chúng tôi tiến đánh 508 và 509. Địch hoảng sợ lui lượt ra hàng, đông đến nỗi tắc giao thông hào. Đại đội trưởng của tôi ra lệnh chúng phải lên đường chạy ra khỏi phạm vi đang chiến đấu. Đến vị trí đầu cầu Mường Thanh, khẩu đại liên bốn nòng địch bắn ra rất rát, chúng tôi bắn áp chế, dùng lựu đạn diệt chúng. Các chiến sĩ ta lúc này độc lập tác chiến, vừa đánh vừa hô địch vận. Chúng tôi

xông lên diệt cứ điểm pháo 155 ly, bọn chỉ huy đã chết cả, mà thật kỳ lạ, pháo thủ địch không ra hàng được, do bị xích chân với nhau, bám súng chiến đấu, không thể chạy trốn khi bị pháo ta bắn. Sau khi diệt xong pháo 155, tôi cùng đồng đội diệt một xe tăng địch. Và dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Tạ Quốc Luật, tôi cùng đồng đội vào bắt tướng Đơ Ca-ơ-ri và toàn bộ tham mưu địch».

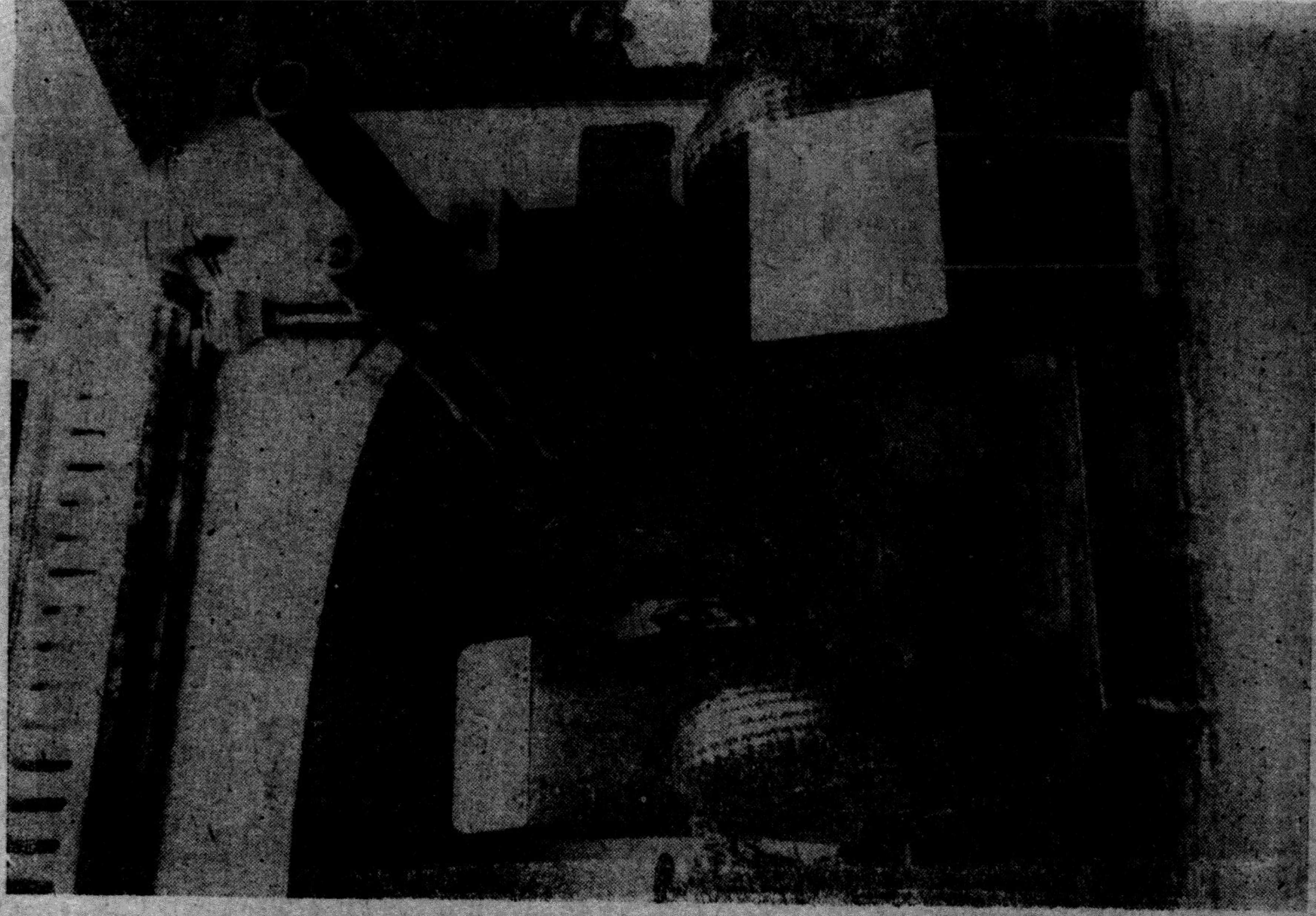
Với chiến công ấy, Hoàng Đăng Vinh và trung đoàn trưởng Hoàng Lân, đại biểu của đơn vị tham gia đoàn cán bộ và chiến sĩ chiến thắng Điện Biên Phủ lên báo cáo với Hồ Chủ tịch. Năm đó Hoàng Đăng Vinh vừa tròn 19 tuổi.

Qua 31 ngày đêm chiến đấu anh dũng đầy sáng tạo, quân đội ta đã xóa sổ toàn bộ các đơn vị bộ binh, pháo binh địch, trong đó có những đơn vị đã được thành lập hàng trăm năm, từng chiến đấu ở châu Âu, châu Phi, Trung cận đông và châu Á... mà địch coi như những đơn vị thần thoại...

★
★★

Để kết luận cho những mẩu chuyện về pháo binh Điện Biên Phủ, tôi thấy có thể nhắc lại ý kiến của đại tướng Ê-ly, tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp đã viết: « Một lần nữa kỹ thuật lại bị thua cuộc bởi những con người có tâm hồn và lòng tin » (Ê-ly. Đông Dương trong cơn lốc. Pa-ri 1961)!

LÊ TRỌNG KHÁNH



Khẩu pháo lắp công ở Điện Biên Phủ.

KHÀU PHÁO LẬP CÔNG

Bên phải cổng ra vào Viện bảo tàng Quân đội, trên bệ đá bê tông có một khẩu pháo 105mm. Phía bên kia là chiếc xe tăng số hiệu 834, biểu tượng của đại thắng mùa xuân năm 1975.

Qua bảng chú thích, khách tham quan thường lưu ý đó là một trong những trọng pháo lần đầu xuất trận đánh Điện Biên Phủ. Còn chúng tôi, những người chiến sĩ cũ của đại đoàn quân Tiên phong lại nhớ đến kỷ niệm trận mở màn chiến dịch Tây Bắc, trận tiêu diệt phân khu Nghĩa Lộ ngày 17-10-1952 nơi quân ta đoạt được khẩu pháo này.

Đến đầu tiên vượt sông Thao tiến quân vào Tây Bắc là một đêm trời đất tối om, mưa xối xả. Qua sông đến vượt đèo «Đèo Khâu Vác» một cái đèo khá dài phải mất ba bốn ngày mới vượt hết. Con đường qua đèo có lẽ do trình sát mui vách ra nên dù chúng tôi là đơn vị đi gần cuối cùng nà đường vẫn chưa rõ lối chân, cây cối rậm rạp, nhiều chỗ gần như dốc đứng. Mấy ngày liên quần áo ướt đầm, chân mỗi nhừ, vai ê đi rất bồng. Vậy mà đến chỗ nghỉ không ai được phép đốt lửa, trừ anh nuôi đã làm bếp Hoàng Cầm cẩn thận.

Mưa gió, rừng rậm gian khổ thật đấy, nhưng cũng có cái hy vọng, quân địch không đánh hơi được hướng tiến chính của ta. Sau gần một tuần hành quân, bỗng trước

mặt mọi người, hiện ra cánh đồng phẳng lì, thẳng tắp, đang vụ lúa chín, mùi lúa nếp thơm ngát. Lúa ở đây tốt thật, cao lút đầu người.

Chúng tôi đã đặt chân đến Nghĩa Lộ. Bộ binh pháo cối hồi hải chuẩn bị bố trí, đào công sự chiến đấu. Nghĩa Lộ được chia thành hai khu vực: Nghĩa Lộ đồi là khu vực đồn bốt và Nghĩa Lộ phố.

15 giờ 30 ngày 17-10-1952, pháo 75 ly khai hỏa mở đầu trận đánh, dưới tầm hỏa lực bộ binh nhanh chóng phá rào lao vào đồn. Cuộc chiến đấu diễn biến nhịp nhàng và chỉ khoảng một giờ đồng hồ quân ta đã chiếm xong Nghĩa Lộ đồi, lá cờ ba sắc bị giật xuống, tiếng kèn chiến thắng vang lên. Binh lính sĩ quan lũ lượt giờ tay kéo nhau ra khỏi đồn. Chúng ta bắt sống toàn bộ bọn sĩ quan Pháp do tên quan tư Ti-ri-ông chỉ huy.

Một bộ phận được cử đi phối hợp đánh địch dưới phố, còn lại thu dọn chiến trường. Ngoài hàng chục tấn vũ khí đạn dược, ta còn thu được khẩu trọng pháo 105 ly, một loại chiến lợi phẩm công kênh, nặng nề, nhưng rất quý. Ngay bọn Pháp cũng mới tăng cường cho cả vùng Nghĩa Lộ được có một khẩu vào đầu tháng 10 này. Mặc máy bay gầm rít, mặc lửa khói mịt mù, hàng chục anh em bộ đội dân công xúm nhau vào người kéo, kẻ đẩy hò reo lôi rồ ra khỏi đồn, đưa xuống dốc rồi kéo tít vào rừng quế xia 3, 4 cây số.

Đầu thu 1953, theo mệnh lệnh của bộ tổng tư lệnh, Trung đoàn trọng pháo mang tên 45 ra đời. Những khẩu pháo 105 ly thu được từ Cao Bằng, Đông Khê, Hòa Bình, Nghĩa Lộ... được tập trung lại. Một số pháo thủ của pháo 75 ly được điều động về còn đại bộ phận là lính mới. Tiếp sau đó là những ngày học tập căng thẳng, mệt nhọc. Cán bộ đại đội, trung đội mới ra trường, các khẩu đội trưởng, pháo thủ cũ mới đều còn rất trẻ, chưa ai đến tuổi 24.

Trước kia ở pháo 75 cũng vất vả mệt nhọc nhưng vì là pháo bắn thẳng nên đầu óc còn thanh thoi. Nay học đến loại trọng pháo, bắn cầu vồng, với cự ly xa 10, 15 km phải học cả tính toán... rất phức tạp, đầu óc anh nào anh ấy mệt bã.

Tuy khó khăn, vất vả nhưng không một ai nản chí, mọi người đều hăm hở luyện tập để nắm vững thao tác thành thạo loại vũ khí mà hồi đó được coi là «hiện đại».

Mùa công năm 1953 Na-va đưa quân ra đánh Tây Nam Ninh Bình can quét đồng bằng Bắc Bộ, đổ bộ Quý Nhơn... đến ngày 20-11-1953, cho quân nhảy dù đánh chiếm Điện Biên Phủ. Tin địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ làm chúng tôi càng hăng say học tập. Mọi người đều mong mỗi được đi chiến đấu.

Thọ «sữa» một lính mới, mọi khi trông dù dờ thê mà mấy hôn nay cũng tháo vát hẳn lên. Cậu ta lại mới nhận được thư nhà báo tin gia đình vừa nhận ruộng. Sáng nay cậu ta gửi tiền cấp dưỡng nhờ đi chợ mua hộ bao Hoa Lư về khao anh em. Khẩu đội trưởng của chúng tôi Xuân «còm» quê mãi tít trong khu bốn, nhập ngũ năm 1950 lúc 18 tuổi. Nghe đâu khi lên đường cũng đã có mắt đen, mắt xanh tiền đưa. Người gầy gầy, da đen xạm nhưng tính tình vui nhộn, hát hò hay đáo để. «Xuân còm» còn hơn chúng tôi cả mặt trình độ văn hóa, khi đi bộ đội anh đã học xong lớp sáu. Vì vậy, đại đội giao cho anh kèm thêm cho chúng tôi môn toán. Mấy hôm nay bị sốt rét, nhưng Xuân không chịu bỏ buổi tập nào, chỉ huy anh em luyện tập thao tác vũ khí.

Đến giữa tháng 12-1953 không khí càng tấp nập. Cán bộ trên xuống rộn rịp, mọi người đoán già đoán non...

Mấy hôm sau, nghe thấy tiếng động cơ ô-tô. Những chiếc GMC chiến lợi phẩm lần lượt tụ tập về đây, các chàng lái hầu hết mặt non choét. Xe pháo hiệp đồng học tập, bỏ túi... Thôi sắp lên đường rồi.

Chúng tôi được lệnh lên đường vào đúng đêm 22-12-1953 ngày kỷ niệm chín năm ngày thành lập quân đội.

Thực hiện quyết tâm của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, các binh đoàn chủ lực hành quân lên Tây Bắc. Trong đội hình trùng điệp hôm nay lần đầu tiên xuất hiện « xe có đuôi » nối gót các loại pháo đàn anh, « chân đồng vai sắt ».

Nhìn đoàn xe lướt qua, bộ đội dân công vỗ tay hoan hô. Có bạn trẻ còn nói vọng lên: « ngồi xe, sướng nhá! ». Một vài lần xe pháo phải dừng bánh, mấy chàng lính bộ binh còn chạy lại vạch lá ngụy trang ra xem, kéo theo vài anh chị dân công tò mò. Chúng tôi phải nhảy xuống ngăn. Một cậu lính bộ ngó bọn tôi « lính pháo gì mà sữa thế! ». Vài chị đi qua còn chọc thêm « Bé như cái hạt mít ». Tức quá mà chưa cậu nào trả đũa được... Bỗng Xuân « còm » xuất hiện: « Này, bé hạt tiêu đấy, cú mó vào mà xem ». Tất cả cười ồ lên vui vẻ, cho quên cái mệt, cái buồn ngủ mà.

Thực thà mà nói, mấy chàng lính cụu chúng tôi đã từng nếm mùi chồn chân tê vai, nay được ngồi xe lúc đầu cũng thích lắm. Ấy vậy mà mới qua dăm bảy đến hành quân, anh nào cũng muốn tụt xuống đi bộ. Lúc đầu chưa quen mùi xăng dầu, nôn thốc nôn tháo. Sau rồi đến quay cuồng chóng mặt vì những ổ gà, ổ trâu chồm chồm nghiêng ngả. Càng đi sâu vào miền Tây Bắc đường sá càng khó khăn, dốc, đèo, vực thẳm, pháo thủ luôn phải nhảy xuống đẩy pháo, nhiều chỗ ngoặt gấp, phải tháo pháo đây... Đến bãi nghỉ là vội vàng đào hầm cho xe, pháo. Ăn uống nghỉ ngơi đều vội vã... anh nào anh ấy hốc hác trông thấy.

Trải qua gần một tháng vượt trên 500 km, xe pháo cũng đến nơi tập kết an toàn, đầy đủ. Tiếp đó là những ngày cùng công binh, bộ binh, thanh niên xung phong nổ đường tạo ra một con đường quân sự làm gấp vát qua một ngọn núi cao 1200m, dài 15km. Một con đường chưa có lốt chân người. Con đường này sẽ đưa trọng pháo của

ta kẻ ngay vào sọ địch mà bắn. Hơn 5000 cán bộ chiến sĩ phần lớn là bộ binh của Đại đoàn quân Tiên phong tham gia làm đường. Và thực không ngờ con đường hoàn thành trước thời gian⁸ quy định 4 tiếng đồng hồ với lực⁹ lượng chỉ bằng một phần tám theo dự tính của công binh (bốn vạn nhân công).

Mở đường xong ngay chiều hôm đó bắt đầu công cuộc kéo pháo vĩ đại. Một công việc sau này được kể lại như một câu chuyện thần kỳ.

Suốt 9 ngày đêm, tiếng mõ nhịp, tiếng hò « hai, ba này!» vang lên trên các sườn núi. Anh lính xung kích sát cánh cùng các pháo thủ kéo pháo lên đỉnh rồi lại ghi chặt trụ tời, nắm chặt dây kéo cho tuột dốc.

Bom địch bắt đầu đánh hơi thấy có con đường mới?... Ban ngày máy bay bà già liệng đi liệng lại, chiếu súng đại bác xăm tơi. Mặc cho pháo nổ ầm ầm, lửa đạn tung toé.. nhưng tiếng hò « hai ba này» vẫn vang lên đều đặn.

Pháo binh kéo đến vị trí quy định, mọi người chuẩn bị xây dựng hầm pháo, thì có lệnh « kéo pháo ra ».

Kéo pháo vào đã gian khổ, kéo ra khó khăn nguy hiểm gấp mấy lần. Địch đã đánh hơi thấy con đường. Bom đạn chúng xối xả cản chân. Thợ « sửa » bị thương vào tay. Tuy là lính mới nhưng cậu ta không hề kêu rên. Nhiều lúc đạn nổ ngay trên đầu mà không ai bỏ dây kéo, không ai lo lắng đến tính mạng mình, chỉ lo giữ gìn vũ khí.

Tin Tô Vinh Điện lấy thân chèn pháo làm ai nấy tăng thêm quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Sau tết ít bữa, pháo lại được kéo vào xây dựng trận địa hầm hào. Cán bộ, trinh sát, tập nập di chuẩn bị tác chiến.

Hàng chục khẩu pháo đã được đưa vào công sự kín đáo, chắc chắn, sẵn sàng nổ súng.

Đúng 30 ngày 13-3-1954 các khẩu pháo Đông Khê, Nghĩa Lộ, Hòa Bình được lệnh khai hỏa mở màn trận tiêu diệt Him Lam. Những phát đạn đầu tiên bay ra khỏi nòng

một lúc thì máy nói đã reo vang: «Cột cờ bay rồi!», «trúng chỉ huy sở rồi». Trong tiếng gầm rít của pháo, xung kích nhanh chóng xuất kích. Sau trận mưa tạt vào Him Lam, pháo ta chuyển làn bắn vào các trạm địa pháo địch vào sân bay, vào trung tâm Mường Thanh.

Kẻ thù vốn chủ quan khinh thường ta. Trước ngày 13-3, bọn sĩ quan chỉ huy địch, sau khi tung biệt kích thám báo, dùng máy bay trinh sát dò la, vẫn đinh ninh là ta chỉ có pháo 75 ly. Chúng còn láo xược thác thức «Việt Minh» tấn công.

Tên đại tá Pi-rốt (cụt tay trong trận đấu pháo với quân phát xít Đức năm 1941 ở mặt trận nước Ý, được coi là người hùng của quân đội Pháp) còn huênh hoang: «Với hỏa lực mạnh như thế này, Điện Biên Phủ sẽ là nơi nghiền thịt đối phương!»...

Sự xuất hiện bất ngờ của trọng pháo, của pháo cao xạ làm chúng hết sức hoang mang. Ngay loạt pháo đầu, tên chỉ huy Him Lam, quan tư Pê-Gốt chết gục cùng mấy sĩ quan tham mưu. Cùng ngày hôm đó, ngót chục náy tay tan xác. Mọi cuộc phản pháo của địch đều ít kết quả. Từ chủ quan, khoác lác đến bi đát, xấu hổ, ngài quan năm Pi-rốt đã tự sát bằng một quả lựu đạn Mỹ.

Rồi Độc Lập, Bản Kéo bị tiêu diệt, sân bay tê liệt.

Sau mỗi đợt chiến đấu thắng lợi, pháo 105, pháo cao xạ của ta chuyển dịch vào trung tâm theo nhịp độ vây lấn của bộ binh. Sự hiệp đồng, phối hợp ngày càng ăn ý. Pháo binh yểm hộ ngày càng đặc lực, và đáp lại những người bạn xung kích cũng hết lòng giúp đỡ từ di chuyển đến xây dựng trận địa, rồi đoạt dù đạn địch chuyển về cho pháo. Có lần pháo thủ còn nhận được trong những hòm pháo, thư, thuốc lá của các bạn đã dự trận Hòa Bình, Nghĩa Lộ gửi đến.

Mỗi lần dùng những viên đạn từ tiền duyên gửi về, khẩu đội trưởng Xuân «còm» lại nhắc «bắn chính xác vào».

Đến 6-5-1954, sau tiếng nổ của quả bộc phá 1000kg trên đồi A1, pháo cối của ta bắn dồn dập cùng với nhịp độ tấn công ào ạt của xung kích. Cả khoảng trời từ phía Đông đến trung tâm Mường Thanh khói lửa mù mịt. Trước sức mạnh của đối phương không gì địch nổi, bọn Pháp lần lượt kéo cờ trắng đầu hàng. Từ trưa đến chiều ngày 7-5, cờ trắng xuất hiện càng nhiều. Đến khoảng 17 giờ có tin quân ta đã bắt sống tên tướng Đờ-Cát và toàn bộ bọn chỉ huy trong Mường Thanh. Tiếng hò reo khắp nơi. Bọn Pháp lũ lượt kéo nhau ra khỏi đồn, trong tay đưa nào cũng có mảnh vải trắng.

Chúng tôi đang ôm nhau, vật nhau cười hả hê thì được lệnh quay nòng nã cấp tập vào bọn địch ở Hồng Cúm đang tìm cách tháo chạy.

Khoảng 21 giờ, được lệnh thôi bắn, quân ta hoàn toàn làm chủ chiến trường. Đêm đó không ai ngủ được, có lẽ vì trước cái ngõ ngàng của sự yên tĩnh sau hơn 50 ngày đêm chiến đấu.

Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết.

Ngày 10-10-1954 đoàn quân chiến thắng trở về giải phóng thủ đô Hà Nội. Bộ binh đi trước, xe pháo tiến theo giữa rừng cờ, hoa, giữa những lời ca với niềm vui rạo rực.

Ngày 1-1-1955, trên quảng trường Ba Đình lịch sử, các khẩu pháo Đông Khê, Hòa Bình, Nghĩa Lộ, Tầm Vu, An Khê và pháo thu được trên chiến trường Điện Biên diễu qua lễ đài dưới lá cờ «Quyết chiến quyết thắng» lấp lánh huân chương.

Mỗi lần có dịp về Hà Nội, tôi lại ghé qua Viện bảo tàng Quân đội. Nơi tôi dừng chân lâu nhất vẫn là bên khẩu pháo Nghĩa Lộ. Đứng đó để nhớ lại những ngày Điện Biên, nhớ lại giây phút huy hoàng khi quân ta cắm cờ trên nóc hầm tên tướng Đờ Cát.

PHẠM NGỌC THỤY



Phút khái hoàn của quân ta trên hầm chỉ huy của Đê Cát

HẦM CHỈ HUY CỦA ĐỜ CÁT

Khách tham quan đến Điện Biên Phủ. Không ai không tới xem hầm chỉ huy của cái tập đoàn cứ điểm không lồ đã bị quân và dân ta tiêu diệt hoàn toàn trong Đông Xuân 1953 — 1954. Đó chính vì nơi đây là đầu não của binh đoàn tác chiến Tây Bắc (G. O. N. O.) của đội quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương do tên bại tướng Đờ Cát chỉ huy và là mục tiêu cuối cùng quyết định của các chiến sĩ Điện Biên Phủ trong suốt chiến dịch lịch sử này.

Sở chỉ huy của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ (Địch còn gọi là E-péc-vi-ê (Épervier) : Chim cắt), nằm trên hữu ngạn sông Nậm Rốm, cách đồi A1 khoảng năm trăm mét về phía Tây Bắc. Sở chỉ huy đặt trong một hầm gỗ đất xây khá kiên cố, sâu xuống dưới mặt đất 2m, với những phiến gỗ tròn và những bao cát chồng lên nhau tạo thành mái hầm vững chắc, bên trên lại được che chở bởi cái vòm sắt cuộn cong, mọc lổm chổm những ăng-ten điện đài. Kích thước bên trong ngang dọc 20m × 8m, chiều cao 2,5m. Hầm có hai lối lên xuống ở hai đầu, hẹp chỉ vừa một người đi, bên trong chia làm nhiều ngăn bằng bao cát và hòm gỗ, mỗi ngăn là một phòng làm việc, đồng thời là nơi ăn ngủ có căng dù để chống bụi.

Theo quan năm thầy thuốc Grô-uyn (Grauwin), ngay bên phải lối vào là sở chỉ huy hỏa lực do Pi-rốt, trung tá pháo binh chỉ huy. Bên trái có ba phòng, phòng thứ nhất là nơi ở của Lê-ôt, thiếu tá và Mê-hay đại úy, những sĩ

quan giúp việc của Đờ Cát. Phòng thứ hai là sở chỉ huy không quân do Ghê-ranh, thiếu tá, phụ trách. Phòng thứ ba là nơi làm việc của tham mưu trưởng Sê-gani đờ Pa-dit (trước là Ken-le và Duy-cruy-dơ). Đối diện với phòng thứ ba ở bên phải là nơi ở và làm việc của Đờ Cát. Bên trong cùng, sau tấm chắn đóng chặt vào các phiến gỗ tròn là phòng ba của Ban tham mưu do Đru-anh, đại úy phụ trách.

Địch rào dây thép gai dày đặc xung quanh sở chỉ huy. Từ ngoài vào phải theo một lối đi rộng chưa đầy m. lượn ngoằn ngoèo qua các bãi mìn. Một hệ thống hỏa lực bố trí trong các boong-ke lúc nào cũng sẵn sàng đan một lưới lửa dày đặc vào con đường này. Bốn chiếc xe tăng thường xuyên túc trực chung quanh sở chỉ huy để bảo vệ cơ quan đầu não của tập đoàn cứ điểm.

Tại hầm chỉ huy này, Đờ Cát đã cùng bộ tham mưu của hắn ngày đêm bày mưu tính kế hòng tiêu diệt chủ lực của ta, định làm một cái đình trong cái kế hoạch Na-va thâm độc và xảo quyệt. Và cũng tại đây, hắn đã bao lần, điên đầu nát óc đối phó với cuộc tấn công quyết liệt của quân ta suốt 55 ngày đêm liên tục và cuối cùng đã phải đầu hàng.

Tên sĩ quan được Cô-nhi, tư lệnh quân Pháp ở Bắc Bộ đề cử vào chức vụ chỉ huy trưởng binh đoàn tác chiến Tây Bắc và được Na-va hết sức đồng tình, với những kinh nghiệm bản thân không lấy gì làm thích thú trước nhiệm vụ được giao. Hắn đề nghị chỉ định người khác. Nhưng trước sự thuyết phục của cả Na-va lẫn Cô-nhi, Đờ-Cát đã nhận nhiệm vụ từ 0 giờ ngày 7-12-1953 với lời hứa sẽ được thăng cấp và hắn đã ở căn hầm này cùng với cô nữ thư ký Pôn Buốc-gát (Paule Bourgeade) từ bấy cho đến chiều ngày 7 tháng 5 năm 1954.

Chỉ định Đờ Cát làm chỉ huy trưởng GONO, bọn cầm đầu đội quân viễn chinh của thực dân Pháp đã cần nhắc

kỹ lưỡng trước khi « chọn mặt gửi vàng », thực ra, Đờ Cát quả là một viên sĩ quan trung thành, hiếu chiến và ngoan cố vào bậc nhất.

X Sinh năm 1902 ở Pa-ri, Crit-xchiăng Ma-ri Phec-năng đờ Cát (Christian Marie Fernand de Castries) xuất thân từ một gia đình quý tộc. Theo báo Pháp Bình Minh số ra tháng 4-1954, tổ tiên của Đờ Cát là những người làm binh nghiệp từ thời thập tự chinh, đã có người là thống chế Pháp, bộ trưởng bộ hải quân, trong cuộc chiến tranh độc lập, Sác-lơ đờ la Croa đờ Cát (Charles de la Croix de Castries) và có người Ác-măng đờ Cát (Armand de Castries) là bạn chiến đấu của La Phay-ét (La Fayette). Dòng họ Đờ Cát đã có một đô đốc, 7 trung tướng trong quân đội Pháp. Năm 1926 Đờ Cát vào học trường kỹ binh Xô-muya. Là đội viên đội đua ngựa, y đã hai lần phá kỷ lục thế giới về môn ngựa nhảy cao (1933) và nhảy xa (1935) đã từng tham gia đội biệt động của Pháp (1939) và là đại đội trưởng thiết giáp (1944 — 1945). Bị quân Đức bắt làm tù binh trong một lần bị bao vây và bị thương, y đã vượt ngục sau ba lần dự định không thành, và trở về đội ngũ của tướng Gioăng (Juin). Lần thứ hai y bị thương vì mìn. Là trung tá sau chiến tranh thế giới thứ hai. Sang Đông Dương, Đờ Cát chỉ huy trung đoàn quân Ma rốc trong hai năm, đã gây nhiều tội ác đối với nhân dân ta ở đồng bằng Bắc bộ và đã bị gãy chân trong một trận phục kích của quân và dân ta. Trở lại Đông Dương tháng 8 năm 1953, y được giao chỉ huy một binh đoàn cơ động ở Châu thổ sông Hồng, sau đó được Na-va chọn làm chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Về tên sĩ quan thực dân này, nhà báo Mỹ Béc-na Phôn (Bernard Fall) đã viết : « Là đại tá lúc 50 tuổi, được thưởng

Bắc đầu bội tinh hạng ba, được tuyên dương công trạng 21 lần (trong đó có 16 lần cấp quân đoàn) ba lần bị thương... Người ta không thể nói rằng việc cử ông ta vào cương vị chỉ huy Điện Biên Phủ là một quyết định không logic và phi lý ».

Dưới con mắt của phương Tây, viên chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là như thế đó. Chả thế mà y đã được bọn xâm lược chớp bu Pháp Mỹ không ngừng khích lệ. Tại căn hầm chỉ huy này, Đờ Cát đã tiếp nhiều phái đoàn quan trọng như phái đoàn đến ngày 26-1-1954 do Mác Giắc Kê (Mác Jacquet), bộ trưởng bộ các quốc gia liên hiệp Pháp dẫn đầu, gồm có Đờ Giăng (De Jean), cao ủy Pháp ở Đông Dương, Na-va tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương và Cô-nhi phó tướng của Na-va, phái đoàn đến ngày 19-12-1954 gồm Plê-ven, bộ trưởng quốc phòng Pháp, Đờ Xê-vi-nhê (De Seigné) thứ trưởng bộ chiến tranh, Ê-ly đại tướng tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, Bô-đê (phó tổng tư lệnh), Blăng (Blanc) tham mưu trưởng liên quân, phái đoàn của Ô Đơ-mi-en (O'Daniel) đại tướng, hồi đó là tư lệnh lục quân Mỹ ở Thái Bình Dương... Căn hầm này đã chứng kiến những phút cuối cùng của Đờ Cát trước khi bị bắt. Hắn gọi điện cho Cô-nhi « Quân địch đã thâm nhập toàn bộ pháo đài trung tâm. Cuộc kháng cự sắp bị nhấn chìm. Việt Minh chỉ còn cách đài vô tuyến chỗ tôi đang nói chuyện với ngài chỉ vài mét. Địch ở khắp mọi nơi. Tôi ra lệnh phá hủy triệt để. Chúng tôi không hàng ». Và hắn cũng đã gọi điện cho vợ và hứa hẹn « Anh sẽ về... ». Thực tế thì chỉ vài phút sau đó, khi các đơn vị quân ta trong đó có đại đội của Tạ Quốc Luật xông đến cửa hầm sở chỉ huy trung tâm, thì

Đờ Cát cùng với 20 tên sĩ quan khác (có 4 đại tá, 6 thiếu tá) đã đầu hàng không điều kiện và y hẹn với vợ hán, cũng đã trở về nhà thật, nhưng là trở về như một tên tù binh được thả nhờ lượng khoan hồng của quân và dân Việt Nam chiến thắng.

17 giờ ngày 7 tháng 5 năm 1954, giờ toàn thắng của nhân dân và quân đội nhân dân Việt Nam trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Giờ tận số của con «nhím» Điện Biên Phủ, giờ khởi đầu sự sụp đổ từng mảng của chủ nghĩa thực dân. Trong căn hầm sở chỉ huy của tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một đồng giấy tờ âm ỉ cháy trên bàn tên bại tướng, bên cạnh những chai rượu mạnh lỏng chồng, ngổn ngang. Và cũng từ giờ này, căn hầm được dọn dẹp lại sạch sẽ, gọn gàng, trở thành nơi ở và làm việc của các cán bộ chỉ huy được chỉ định làm nhiệm vụ thu dọn chiến trường, và tổ chức việc trao trả tù binh địch, thương binh địch theo chính sách nhân đạo của Đảng và nhà nước.

Đồng chí Trần Đại Đồng, một trong những người đã nghỉ tại căn hầm này đêm 7 tháng 5 năm 1954 đã có mấy câu thơ:

Chiến trường im lặng như tờ
Chỉ nghe phần phật lá cờ trên cao
Ngủ lưng giường đệm êm sao
Một vầng trăng đẹp lọt vào bàn tay
An-na truyện đọc mê say
Quên đi 56 đêm ngày gian lao...

Đêm ấy là một đêm trung tuần tháng tư âm lịch. Trăng đẹp như dát vàng trên chiến trường đã im tiếng súng và lọt vào bàn tay người chiến sĩ qua lỗ thông hơi

trên nóc hầm. Cuốn An-na Ka-rê-ni-na của Lép Tôn-xtôi mà người chiến sĩ trẻ nhìn thấy trên đầu giường Đờ Cát được giở ra đọc. Dưới ánh sáng của hào quang chiến thắng, cuốn truyện càng thêm ý nghĩa biết bao.

Với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, căn hầm sở chỉ huy của viên tướng Đờ Cát đã trở thành một di tích quý giá và đang được bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn cùng với các di tích, hiện vật khác trên chiến trường xưa.

PHẠM CHÍ NHÂN



Bại tướng Na-va với sự thất bại ở Điện Biên Phủ

BẠI TƯỚNG NA-VA

Ngày 7-5-1954 — 7-5-1984, 30 năm đã trôi qua kể từ khi ở mặt trận Điện Biên Phủ im tiếng súng. Sau 30 năm nhìn lại, mỗi chúng ta đều nhận thấy rằng chiến thắng Điện Biên Phủ thật là vĩ đại! Trong câu chuyện nhỏ này chúng tôi muốn kể vài chuyện về tên bại tướng Hăng-ri Na-va.

Đầu năm 1953, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đã bước sang năm thứ tám. Nhìn chung, cả thế và lực của ta đều mạnh hơn địch. Chính phủ May-e đang đau đầu để tìm lối thoát. Lối thoát có, theo cách nói của May-e là «đem lại vinh dự cho nước Pháp». Có nhiều công việc phải làm nhưng trước mắt là phải thay tướng tổng chỉ huy quân viễn chinh ở Đông Dương. Mà cũng lạ thật, cứ mỗi lần thất bại nặng nề, bại cuộc chiến Pháp lại đổ vào đầu bọn tướng tá thực dân.

Trước khi Na-va sang Đông Dương, Sa-lăng (Salam) là tổng chỉ huy. Đây là tên tổng chỉ huy thứ 6 của quân đội viễn chinh Pháp, một tên thực dân cáo già.

Sa-lăng ở Đông Dương từ năm 1924 với quân hàm thiếu úy lúc đó y mới 25 tuổi. Suốt 14 năm ở Đông Dương Sa-lăng đã leo qua cấp đại úy, lên tới thiếu tá, đã từng nghiên cứu tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng Lào và chữ Hán. Chính báo chí Pháp đã từng ca ngợi là «con cáo khôn

ngoan» « không bao giờ làm việc cầu thả, không bao giờ đặt một chân lên trước nếu không biết mình đặt chân ở đâu ».

Năm 1944, y được phong thiếu tướng, đến tháng 7-46 về nước thì tháng 5-1947 lại được lệnh qua lại Đông Dương với quân hàm trung tướng. Nhiệm vụ lần này của y quả nặng nề: « nhanh chóng dập tắt cuộc kháng chiến của Việt Minh đang lan rộng trong phạm vi cả nước ».

Tài liệu mật của tổng tham mưu Pháp cho biết, chính Sa-lăng đã vạch kế hoạch đánh lên căn cứ địa Việt Bắc vào tháng 10 năm 1947 nhằm phá căn cứ kháng chiến của cả nước, tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến. Cũng chính Sa-lăng đã ngồi lên chiếc máy bay Ca-ta-li-na trực tiếp đốc thúc binh đoàn Xô-va-nhắc nhảy dù xuống Bắc Cạn ngày 7-10. Cho đến năm 1948 bị thua nặng ở Việt Nam, xin tâng viện binh không được, y bất mãn xin về Pháp. Đến năm 1952, trên ve áo hân đã lấp lánh bốn ngôi sao với chức tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

Vào tháng 5 năm 1953, tên đại tướng Pháp Hăng-ri Na-va, tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp trong khối Bắc Đại Tây Dương (khối NATO) đang đóng ở Tây Đức được lệnh cấp tốc về Pa-ri nhận chức tổng chỉ huy thay tướng Sa-lăng. Đến ngày 7-5-1953 Na-va được chính thức bổ nhiệm (Đúng một năm sau, ngày 7-5-1954, tập đoàn cứ đèm Điện Biên Phủ thất thủ).

Thực ra trước đó, Na-va cũng chưa được chú ý nhiều lắm. Khi Na-va được giao nhiệm vụ — mà theo cách nói của hân là « Vinh dự khủng khiếp bỗng rơi xuống vai » thì nhiều người mới bắt đầu tìm hiểu về lai lịch của y.

Na-va sinh ngày 31-7-1898 ở Vinphrăngxơ thuộc Ruéc-gi (Avây-rôn). Mẹ thuộc dòng dõi của thống chế Muya-ra

nổi tiếng dưới thời Na-pô-lê-ông. Bô là giáo sư chủ nhiệm khoa văn trường đại học Tu-lu-dơ, mà đương kim tổng thống Pháp, Vanh-xăng Ô-ri-ôn từng làm học trò. Năm 18 tuổi hấn vào trường quân sự Xanh Xia. Cuộc đời binh nghiệp của Na-va khá thuận lợi, lên cấp nhanh như gió. Năm 1942, 43 tuổi y còn là đại úy tinh báo. Hơn mười năm sau y đã leo lên cấp đại tướng.

Khi sang Đông Dương nhận chức, Na-va được giới báo chí tâng bốc hết lời, nào là «viên tướng có tài, có uy tín trong hàng ngũ tướng lĩnh thực dân, tài trí sắc sảo», nào là «người tài ba, giàu kinh nghiệm chống du kích, rất thông minh sáng suốt».

Trong tập san Đông Dương, Đông Nam Á số 26-2-1954, Mắc Ô-li-vi-ê (Max Olivier) đã nhận xét đức tính của Na-va: «Có lòng tin và nghị lực, vốn không tha thứ một trở lực nào lúc cần thực hiện ý định của mình».

Đặc biệt tên tướng Ca-tơ-ru nhận xét Na-va còn đầy đủ hơn: «Na-va là người bình tĩnh, có trình độ cao về khoa học quân sự và kiến thức chung, có khả năng chịu đựng những đòn dữ dội, bất ngờ, có những đức tính riêng biệt của người chỉ huy, lại rất nhạy bén về mặt chính trị».

Ngày 18-5-1953, Na-va bay sang Đông Dương bắt đầu nhận bàn giao và đi kiểm tra tình hình. Sau hơn một tháng nghiên cứu chiến trường, tham khảo nhiều ý kiến của bè bạn, y đã vạch ra kế hoạch quân sự với một mưu đồ rất lớn và thâm độc. Ngày 22-6-1953, Na-va ra mắt binh sĩ bằng một lá thư động viên, khích lệ, cho đến đầu tháng 7 năm 1953, y bay về Pháp đề báo cáo kế hoạch.

Na-va trình bày kế hoạch quân sự trước hội đồng quốc phòng có cả tổng thống, thủ tướng, tám bộ trưởng, thứ

trưởng, một thống chế, ba tham mưu trưởng các quân chủng. Tất cả bọn tai to mặt lớn nghe Na-va trình bày với một niềm vui, niềm lạc quan khác thường. Kế hoạch quân sự của Na-va được nhanh chóng thông qua, được biểu dương, ủng hộ và khích lệ của đại đa số thính giả. Ngay cả đến Đa-lét, ngoại trưởng Mỹ cũng nói :

« Kế hoạch Na-va trong hai năm tới, nếu không phải là một sự thắng lợi hoàn toàn thì ít nhất cũng thu được kết quả nhất định về quân sự ».

Thủ tướng Pháp La-ni-en thì xoa tay hoan hỷ : « Kế hoạch Na-va cho phép chúng ta hy vọng đủ mọi điều ».

Trong thực tế, kế hoạch Na-va là sản phẩm của sự cấu kết Pháp — Mỹ.

Nội dung chính của kế hoạch quân sự Na-va là xây dựng cho được khối quân cơ động mạnh, tập trung, tạo thành quả đấm thép để tiêu diệt lực lượng đối phương. Với lực lượng đó Na-va chủ trương kế hoạch tác chiến sẽ chia làm hai bước :

Bước thứ nhất, trong thu đông năm 1953 và mùa xuân năm 1954 giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Nam.

Bước thứ hai, thực hành tiến công chiến lược trên chiến trường miền Bắc vào mùa thu 1954 để giành thắng lợi quyết định.

Thời gian dự kiến sẽ bình định Đông Dương trong vòng 13 tháng.

Phương châm hành động của y là « luôn luôn chủ động, luôn luôn tấn công », « phải ra tay trước, phải hành động nhanh hơn đối phương ».

Buổi đón tiếp tên Na-va diễn ra tại sân bay Tân Sơn Nhất vào chiều ngày 19-5-1953. Chuyển đi lúc bấy giờ được giữ bí mật. Tên tướng bốn sao là Ra-un Sa-lăng nồng nhiệt đón Na-va. Cũng từ đây gánh nặng quá sức từ vai Sa-lăng được chuyển giao cho Na-va. Hai tên tướng thực dân, một cũ một mới hơn kém nhau vừa một tuổi. Đón tiếp Na-va còn có cao ủy Lơ Tuốc-nô, tên cao ủy thứ 5 ở Đông Dương.

Ngay sau khi kế hoạch Na-Va được thông qua, nhất là lại được đế quốc Mỹ viện trợ khẩn cấp, Na-va muốn «ra tay trước» nên đã rút nơi này, càn quét nơi kia. Sau một vài thắng lợi nho nhỏ, cả Pháp lẫn Mỹ đều phấn khởi. Na-va càng được giới báo chí Pháp tăng tốc hết lời. Nhưng ngay sau đó, tình hình chiến trường ngày một xấu đi. Niềm lạc quan của Na-va nhanh chóng bị tắt ngấm.

Ngay từ tháng 1 năm 1953, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ ra «phương hướng chiến lược của ta là... tìm chỗ địch yếu mà đánh, bất địch phải phân tán đối phó với ta».

Đến tháng 9 năm 1953, Bộ chính trị họp bàn bạc về chủ trương tác chiến Thu đông năm 1953. Kết thúc hội nghị, Bác nhắc lại:

«Về phương hướng hoạt động lấy Tây Bắc làm hướng chính, các hướng khác là hướng phối hợp».

Dưới sự sáng suốt của tập thể Bộ chính trị do Hồ Chủ tịch đứng đầu, chúng ta đã buộc địch phải đánh theo cách đánh của ta để hạn chế mặt mạnh tạm thời và khoét sâu những mặt yếu cơ bản của chúng. Ngược lại về phía ta,

chúng ta phát huy được mặt mạnh cơ bản và khắc phục dần mặt yếu tạm thời, và rồi kết quả tất yếu là chúng thất bại thảm hại.

Ngày 15 tháng 10 năm 1953, Na-va huy động 34 tiểu đoàn gồm bộ binh, pháo binh, thiết giáp ào ạt đánh vào Tây Nam Ninh Bình. Đúng một tháng sau, ngày 15 tháng 11 năm 1953, đại đoàn 316 tiến lên Tây Bắc, Trung đoàn 101 (đại đoàn 325) và trung đoàn 66 (đại đoàn 304) tiến sang Trung Lào. Thấy vậy Na-va vội vàng cho sáu tiểu đoàn nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, nhằm giữ Lai Châu, che chở cho Thượng Lào. Cuộc hành quân này mang ý đồ chiếm địch, không có trong kế hoạch quân sự Na-va. Sau đó thấy những tiểu đoàn chủ lực tinh nhuệ của ta vẫn tiếp tục tiến lên phía tây, Na-va mới đi đến quyết định chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược. Như vậy từ chỗ bị động về chiến dịch đi tới chỗ Na-va bị động về chiến lược.

Xây dựng xong tập đoàn cứ điểm, báo chí Pháp Mỹ khoe khoang rằng đó là «Cái máy không lồ nghiền nát chủ lực Việt Minh», là «pháo đài bất khả chiến thắng», là «cái bẫy không lồ thu hút lực lượng đối phương để tiêu diệt», v.v...

Đáng chú ý là việc địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ lại nằm trong dự kiến của Bộ chính trị, do đó kế hoạch tác chiến của ta vẫn tiến hành theo phương án đã vạch ra.

Cuối tháng 12 năm 1953, liên quân Lào - Việt đánh địch ở Trung Lào, Hạ Lào, buộc địch phải điều quân tăng cường cho Xê-nô, Pắc-xế.

Mùa xuân năm 1954, ta chủ động mở chiến dịch Bắc Tây Nguyên, Na-va lại bị động, điều quân về Plây-cu.

Cuối tháng 1 năm 1954, liên quân Lào—Việt đánh địch ở Thượng Lào, địch vội vàng điều quân tăng cường cho Luăng Pra-băng.

Rồi chiến tranh nhân dân phát triển cả ở Bắc bộ Trung bộ, Nam bộ lại tiếp tục giam chân lực lượng cơ động của địch.

Thế là Na-va định xây dựng quả đấm thép tập trung nay bắt buộc phải phân tán thành nhiều nơi. Chả thế mà báo chí Pháp phải thốt lên :

« Chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương không phải là tướng Na-va mà là tướng Giáp ».

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, trong Đông Xuân 1953—1954, quân và dân ta đã phối hợp nhịp nhàng với quân và dân Lào, Cam-pu-chia đánh địch trên cả bán đảo Đông Dương. Khối quân cơ động mà Na-va dày công xây dựng nay bị phân tán trên nhiều chiến trường.

Sau khi xem xét tình hình giữa ta và địch. Đảng ta nhận định sáng suốt rằng, căn bản kế hoạch quân sự Na-va đã bị phá sản. Chúng ta có đầy đủ khả năng đề tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đây là trận quyết chiến chiến lược giữa ta và địch. Đây cũng là keo độ sức cuối cùng giữa hai bên. Na-va hy vọng rất lớn ở keo vật cuối cùng này. Vì thế trong thư chúc tết trớ trêu đầu năm 1954, Na-va khẳng định :

« Nếu chúng ta chiến thắng trận này thì chúng ta sẽ toàn thắng ».

Qua 55 ngày đêm chiến đấu, cuối cùng, thắng lợi đã thuộc về chúng ta. Chúng ta đã bắt sống và tiêu diệt toàn bộ quân địch gồm 16.200 tên, trong đó có cả tên tướng Đờ Cat-stơ-ri.

Na-va thất bại trong nghề xâm lược, về Pháp, y mở một xí nghiệp gạch để kiếm ăn. Chính trong những năm tháng đó hán đã viết cuốn « Đông Dương hấp hối » để bào chữa cho thất bại của mình.

Ba mươi năm sau, không rút được bài học lịch sử, đế quốc Mỹ đã thất bại thảm hại.

Ngày nay, bọn bá quyền Trung Quốc mưu toan chống phá cách mạng Việt Nam. Nhưng thực tế lịch sử đã khẳng định rằng đất nước Việt Nam giàu đẹp và anh hùng sẽ không dung' tha bất cứ kẻ xâm lược nào.

TRẦN BÍCH VIỆT

Mục lục

Trang

- Mở đầu thuyết minh 5
- Một chiến công thầm lặng 3
- Chiếc xẻng của chiến hào tiền công 17
- Qua một cuốn sổ quyết tâm 25
- Lũn sóng điện trên đồi A1 33
- Từ tấm ảnh lịch sử ấy 45
- Chiếc mũ của người anh hùng 52
- Câu chuyện bắt đầu từ khẩu pháo chiến lợi phẩm 60
- Khẩu pháo lập công ở Điện Biên Phủ 71
- Hầm chỉ huy của Đơ Cát-stơ-ri. 79
- Bại tướng Na-va. 86